

VN-Index giảm mạnh 1,2%

Ngày báo cáo

29/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm mạnh 1,2%

VN-Index giảm mạnh 1,2% (-21,7 điểm) vào thứ Tư, khép lại tuần giao dịch tại 1.854,1 điểm. Toàn sàn ghi nhận 161 mã tăng, 136 mã giảm và 70 mã đi ngang. Thanh khoản tăng so với phiên giao dịch trước, đạt 21,1 nghìn tỷ đồng.

- Sau khi tăng mạnh ở tất cả các cổ phiếu liên quan đến Vingroup vào ngày hôm qua, VIC (-5,1%) và VHM (-3,3%) giảm mạnh. Ngược lại, VRE (+4,9%) và VPL (+1,7%) tăng điểm.
- Diễn biến phân hóa ở nhóm ngân hàng, khi LPB (+3,7%) tăng, TCB (-2,2%) và VPB (-1,9%) giảm, trong khi VCB, HDB và ACB đi ngang.
- Nhóm vật liệu diễn biến tích cực, khi GVR (+2,1%), DCM (+5,8%), DGC (+2,5%) và DPM (+3,3%) tăng mạnh.
- Các mã giảm đáng chú ý ở các lĩnh vực khác bao gồm nhóm tiêu dùng MCH (-1,8%), MWG (-1,9%) và SAB (-2,1%), công ty chứng khoán TCX (-1,0%) và mã ngành công nghiệp GEE (-1,2%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1854,1	250,7	127,5
% Δ	-1,2%	0,5%	-0,2%
- % Δ 1 tuần	-0,2%	-1,8%	-1,1%
- % YTD	3,9%	0,1%	5,6%
- % YOY	51,2%	18,3%	37,9%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$800,4	\$43,5	\$15,9
- TB 1 tháng (triệu)	\$913,9	\$54,4	\$20,8
- TB 1 năm (triệu)	\$1.140,3	\$80,9	\$33,0
- TB QTD	\$917,1	\$52,9	\$20,6
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-23,6%	-32,3%	-42,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$100,7	\$3,3	\$0,6
- Bán (triệu)	\$151,8	\$0,4	\$1,6
- GT ròng (triệu)	-\$51,1	\$2,8	-\$1,0
Độ rộng TT			
Mã tăng	169	77	128
Mã giảm	142	61	164
Không đổi	112	167	577
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	332,7	17,1	50,8
P/E trượt 12T	14,1	10,3	18,0
LS cổ tức*	3,7%	5,5%	5,7%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.028,0	35.421	1.391,0
VN30F2M	2.030,9	2.003	7,6
VN30F1Q	2.024,8	310	0,2
VN30F2Q	2.020,0	36	0,2
VN100F1M	1.936,2	29	0,3
VN100F2M	1.933,0	20	0,1
VN100F1Q	1.933,5	18	0,5
VN100F2Q	1.920,0	3	-
USD/VND		26.346	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Ngành điện: Nhu cầu quý 1 phục hồi từ mức nền thấp năm 2025; giai đoạn cao điểm mùa khô quý 2 hỗ trợ giá CGM
- SIP: Ngày 14/05 là ngày giao dịch không hưởng quyền cho đợt chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2025 với giá trị 4.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức khoảng 6,6%)
- ACG: Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD
- BSR: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD
- BWE: KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo - Báo cáo KQKD
- CTG: NIM tiếp tục hồi phục; chất lượng tài sản vững chắc - Báo cáo KQKD
- CTR: LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng - Báo cáo KQKD
- DPM: LNST sau lợi ích CĐTTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2 - Báo cáo KQKD
- DXG: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm - Báo cáo KQKD
- DXS: Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1, vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD
- FRT: Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng - Báo cáo KQKD
- GEX: LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao - Báo cáo KQKD
- HDG: Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 làm át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD
- HSG: Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo - Báo cáo KQKD
- KBC: Lợi nhuận quý 1/2026 giảm do bàn giao đất KCN thấp hơn; backlog chưa ghi nhận doanh thu vẫn ở mức cao - Báo cáo KQKD
- KDH: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026 tăng 131% YoY nhờ thu nhập khác ròng bất thường - Báo cáo KQKD
- NKG: KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HDKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD
- OIL: LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- PLC: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi - Báo cáo KQKD
- PNJ: LNST sau lợi ích CĐTTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026 - Báo cáo KQKD
- POW: LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng - Báo cáo KQKD
- PVD: LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3,7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- PVT: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- SSI: Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay ký quỹ cải thiện - Báo cáo KQKD
- STB: Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY - Báo cáo KQKD
- STK: Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD
- VCB: Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục cải thiện - Báo cáo KQKD

Quan điểm kỹ thuật

Dựa trên tín hiệu hiện tại, xác suất vẫn nghiêng về kịch bản VN-Index tiếp cận vùng 1.900–1.920 điểm. Ngược lại, khả năng vi phạm hỗ trợ 1.840 điểm và kéo dài nhịp điều chỉnh về vùng 1.800 điểm vẫn ở mức thấp, chưa gia tăng so với phiên 28/04.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Ngành điện: Nhu cầu quý 1 phục hồi từ mức nền thấp năm 2025; giai đoạn cao điểm mùa khô quý 2 hỗ trợ giá CGM

+ **Nhu cầu sử dụng điện quý 1/2026 của Việt Nam tăng 6,5% YoY, so với mức dự báo 7,5% cho cả năm 2026 của chúng tôi.** EVN ghi nhận mức tăng trưởng cung ứng và tiêu thụ điện trong quý 1/2026 ổn định, lần lượt đạt 6,6% và 6,5% YoY (so với mức khoảng 5% trong năm 2025). Nhiệt điện than tiếp tục là nguồn cung điện chủ chốt với 40,6 tỷ kWh, chiếm 53% tổng sản lượng; tiếp theo là thủy điện với 16,1 tỷ kWh (21%), năng lượng tái tạo đạt 11,8 tỷ kWh (15%), nhiệt điện khí đạt 5,4 tỷ kWh (7%) và điện nhập khẩu đạt 2,9 tỷ kWh (4%).

+ **Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu trong quý 2 sẽ gia tăng** khi bước vào giai đoạn cao điểm mùa khô hàng năm tại Việt Nam, được hỗ trợ bởi nhu cầu làm mát tăng và hoạt động sản xuất mạnh mẽ hơn. EVN lưu ý rằng quý 2 có thể sẽ gặp nhiều thách thức do thời tiết nắng nóng, mức tiêu thụ điện công nghiệp cao và khả năng áp lực chi phí nhiên liệu từ các rủi ro địa chính trị ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng than, dầu, khí và thiết bị năng lượng. ***Bộ Công Thương cũng đã chuẩn bị cho kịch bản cung ứng cao điểm mùa khô, trong đó nhu cầu sử dụng điện có thể tăng tới 14,1% so với kịch bản cơ sở là 8,5%.***

+ **Giá thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) ở mức tích cực trong quý 1/2026**, với giá CGM trung bình đạt 1.283 đồng/kWh (+3% YoY, tương đương 110% dự báo năm 2026 của chúng tôi), qua đó phản ánh nhu cầu hệ thống tích cực và chi phí nhiên liệu cao hơn. Chúng tôi kỳ vọng giá CGM sẽ tiếp tục tăng trong quý 2 do (1) nhu cầu khi bước vào giai đoạn cao điểm mùa khô, (2) chi phí nhiên liệu đầu vào duy trì ở mức cao và (3) sản lượng thủy điện giá rẻ sụt giảm. ***Theo POW, giá CGM trong tháng 4 đã tăng mạnh lên 1.700 đồng/kWh (+21% YoY).***

+ Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng những diễn biến sắp tới sẽ là yếu tố hỗ trợ tích cực cho khuyến nghị MUA đối với POW và REE.

SIP: Ngày 14/05 là ngày giao dịch không hưởng quyền cho đợt chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2025 với giá trị 4.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức khoảng 6,6%)

* CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP) công bố đợt chi trả cổ tức bằng tiền mặt lần 2 cho năm tài chính 2025 với giá trị 4.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức khoảng 6,6%). Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 14/05/2026 và ngày thanh toán là ngày 05/06/2026. Điều này nâng tổng mức cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2025 lên 5.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất khoảng 8,2%; đợt 1 với 1.000 đồng/cổ phiếu đã được chi trả vào tháng 12/2025), cao hơn mức dự báo hiện tại của chúng tôi là 2.000 đồng/cổ phiếu cho năm 2025, và phù hợp với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua.

ACG: Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo - Báo cáo KQKD

CTCP Gỗ An Cường (ACG) đã công bố KQKD quý 1/2026 với các chi tiết như sau:

- Doanh thu thuần: 1.110 tỷ đồng (-33% QoQ do yếu tố mùa vụ, +38% YoY; hoàn thành 24% dự báo năm 2026 của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS: 112 tỷ đồng (-23% QoQ, +33% YoY; hoàn thành 18% dự báo năm 2026 của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 112 tỷ đồng (-48% QoQ, +35% YoY; hoàn thành 17% dự báo năm 2026 của chúng tôi). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BSR: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

* BSR đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 45,9 nghìn tỷ đồng (+44% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 8,3 nghìn tỷ đồng (gấp 19,7 lần YoY). Mức tăng trưởng mạnh của lợi nhuận chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 10% YoY của sản lượng thương phẩm, nhờ hiệu suất hoạt động đạt mức cao, cùng với (2) đà tăng mạnh của crack spread. Trong quý 1/2026, crack spread bình quân theo Platts Singapore của các sản phẩm chủ chốt đã ghi nhận mức tăng đáng kể, với xăng tăng 61-71% YoY, Jet A1 tăng 184% YoY, và diesel tăng 160% YoY.

* KQKD quý 1/2026 cao hơn đáng kể so với kỳ vọng của chúng tôi, (so với mức LNST sau lợi ích CĐTS ước tính của chúng tôi là 5 nghìn tỷ đồng và con số sơ bộ 3,3 nghìn tỷ đồng mà công ty đã công bố trước đó). Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại của chúng tôi. Doanh thu quý 1 và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo lần lượt hoàn thành 29% và 51% dự báo cả năm của chúng tôi. KQKD khả quan hơn kỳ vọng này chủ yếu đến từ mức crack spread cao hơn dự kiến và mức tăng nhẹ của sản lượng sản xuất, khi ban lãnh đạo cho biết hiệu suất hoạt động có thể đạt tới 126% (so với giả định hiện tại của chúng tôi là 120%).

* Hiện tại, chúng tôi đang đưa ra mức giá mục tiêu trong kịch bản cơ sở là 27.000 đồng/cổ phiếu và giá trị hợp lý trong kịch bản tích cực là 33.200 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

BWE: KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo - Báo cáo KQKD

* Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (BWE) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu thuần đạt 1,0 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 214 tỷ đồng (+45% YoY). Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo lần lượt hoàn thành 22% và 19% dự báo cả năm của chúng tôi. Mức tăng doanh thu này chủ yếu đến từ: (1) mảng cấp nước với sản lượng thương phẩm tăng 7% YoY, (2) mức tăng mạnh của doanh thu mảng rác thải (+75% YoY, nhờ đà tăng mạnh của sản lượng và mức nền so sánh thấp trong quý 1/2025), và (3) mảng thương mại & khác với doanh thu tăng 45% YoY, qua đó bù đắp cho (4) mức giảm của mảng nước thải (-74% YoY) do mức nền so sánh cao trong quý 1/2025.

* Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh của LNST sau lợi ích CĐTS chủ yếu đến từ: (1) mức tăng 15% YoY của lợi nhuận từ HĐKD, (2) việc gần như không ghi nhận lỗ tỷ giá (so với mức lỗ 36 tỷ đồng trong quý 1/2025), qua đó bù đắp cho (3) mức giảm 25% YoY của thu nhập tài chính.

* LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi của BWE đạt 214 tỷ đồng (+16% YoY), hoàn thành 19% dự báo của chúng tôi. Kết quả này được thúc đẩy bởi: (1) mức tăng trưởng mạnh của mảng cấp nước (+63% YoY) nhờ sự cải thiện của biên lợi nhuận gộp, từ mức 57% trong quý 1/2025 lên 62% trong quý 1/2026, (2) mức cải thiện ở mảng rác thải, qua đó bù đắp cho (3) sự sụt giảm của mảng nước thải do ghi nhận mức nền so sánh cao trong quý 1/2025, và (4) đóng góp thấp hơn từ mảng thương mại & khác (-66% YoY).

* Phần phân bổ LNST âm cho cổ đông thiểu số ở mức 2 tỷ đồng trong quý 1/2026 chủ yếu đến từ khoản lỗ ròng tại Biwase Long An (BWE sở hữu 74%) và Biwase Cần Thơ (BWE sở hữu 66%), do chi phí khấu hao và chi phí lãi vay ghi nhận ở mức cao trong năm đầu tiên sau khi mở rộng công suất.

*** Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận hiện tại** do: (1) lộ trình tăng giá dịch vụ xử lý rác thải có thể diễn ra chậm hơn dự kiến, (2) áp lực tăng đối với chi phí nhân công, (3) vốn đầu tư XDCB cho việc hiện đại hóa các đường ống cũ, như đã đề cập trong báo cáo ĐHCĐ của chúng tôi, và (4) mức lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng từ mảng Thương mại & Khác, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện đang có khuyến nghị MUA đối với BWE với giá mục tiêu là 58.700 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

CTG: NIM tiếp tục hồi phục; chất lượng tài sản vững chắc - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG) công bố KQKD quý 1/2026 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 25,1 nghìn tỷ đồng (+22,7% YoY) và LNTT đạt 11,1 nghìn tỷ đồng (+63,3% YoY), lần lượt hoàn thành 25% và 22% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Nhìn chung, kết quả của ngân hàng về cơ bản phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi với kết quả tích cực về NIM và chất lượng tài sản. Chúng tôi không thấy tiềm năng thay đổi đối với các dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết. CTG vẫn là một trong những lựa chọn hàng đầu của chúng tôi trong ngành ngân hàng với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận tích cực, ban lãnh đạo quyết liệt, và định giá hấp dẫn.

* Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 đạt 1,8%, thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi và thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 3,2%.

* Tăng trưởng tiền gửi khách hàng quý 1/2026 là 1,7%, phù hợp với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA quý 1/2026 là 24,9% (+0,5 điểm % YoY, -0,7 điểm % QoQ).

* Thu nhập lãi thuần (NII) quý 1/2026 của CTG tăng 25,3% YoY, nhờ tín dụng tăng ổn định và NIM cải thiện. So với quý trước, NIM tiếp tục hồi phục lên 2,78% (+14 điểm cơ bản QoQ, +19 điểm cơ bản YoY), được thúc đẩy bởi sự cải thiện lợi suất tài sản sinh lãi (+30 điểm cơ bản QoQ, +51 điểm cơ bản YoY), một phần bị ảnh hưởng bởi mức tăng trong chi phí vốn (+16 điểm cơ bản QoQ, +34 điểm cơ bản YoY). Theo quan điểm của chúng tôi, sự cải thiện NIM của CTG trong quý 1 là khá vượt trội, khi hầu hết các ngân hàng khác trong danh mục theo dõi của chúng tôi vẫn tiếp tục ghi nhận NIM giảm.

* Chất lượng tài sản vẫn vững mạnh trong quý 1/2026 với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,02% (-8 điểm cơ bản QoQ, -54 điểm cơ bản YoY) so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 1,15%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng QoQ lên 1,07% (+20 điểm cơ bản QoQ, -25 điểm cơ bản YoY) trong quý 1/2026. CTG đã xử lý nợ 8,1 nghìn tỷ đồng trong quý - tương đương với tỷ lệ xử lý nợ trên tổng dư nợ quy năm là 1,59%. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 1/2026 của ngân hàng đã cải thiện lên 167% so với 159% trong quý trước và vẫn là một những mức cao nhất trong ngành.

* Chi phí tín dụng quy năm quý 1/2026 là 1,53% so với 1,84% trong quý 1/2025. Chi phí dự phòng quý 1/2026 là 7,7 nghìn tỷ đồng (-5,1% YoY), hoàn thành 39% dự báo cả năm của chúng tôi. Điều này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi vì CTG thường trích lập dự phòng khá thận trọng vào đầu năm.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) quý 1/2026 đạt 5,7 nghìn tỷ đồng (+14,8% YoY), hoàn thành 26% dự báo cả năm của chúng tôi. Tăng trưởng được ghi nhận trên diện rộng ở các mảng bao gồm thu nhập từ phí thuần (+14,7% YoY), lãi từ HĐKD ngoại hối (+18,8% YoY) và thu nhập khác thuần (+13,1%), bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu.

* Chi phí/thu nhập (CIR) quý 1/2026 cải thiện 2,1 điểm % YoY xuống 24,9% so với dự báo cả năm của chúng tôi là 30,3%, nhờ mức tăng 22,7% YoY của TOI cao hơn mức tăng 13,4% YoY của chi phí hoạt động. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

CTR: LNST sau lợi ích CĐTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng - Báo cáo KQKD

*** KQKD quý 1/2026:**

- **CTR công bố KQKD quý 1/2026** với doanh thu thuần đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (+39% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 150 tỷ đồng (+23% YoY), lần lượt đạt 25% và 22% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù doanh thu tăng trưởng mạnh nhờ kết quả tích cực từ mảng xây dựng và mảng giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật, nhưng LNST sau lợi ích CĐTS thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi do (1) biên lợi nhuận gộp thấp hơn, phản ánh đà tăng trưởng chậm lại của mảng hạ tầng cho thuê và tăng đóng góp tỷ trọng từ các mảng ngoài hạ tầng cho thuê viễn thông (towerco) (vốn có biên lợi nhuận thấp hơn), và (2) chi phí quản lý doanh nghiệp (G&A) tăng mạnh (+60% YoY).

- Dòng tiền từ HĐKD (CFO) âm do các khoản phải thu tăng mạnh sau đà tăng trưởng tích cực của mảng xây dựng (với đặc thù lĩnh vực xây dựng thường giữ lại khoảng 15-20% giá trị thanh toán đến khi quyết toán). Ban lãnh đạo kỳ vọng các khoản phải thu này cơ bản sẽ được thu hồi trong Q2, qua đó hỗ trợ dòng tiền.

*** KQKD theo mảng trong quý 1/2026:**

- **Vận hành khai thác** (doanh thu +9% YoY; đạt 23% dự báo cả năm của chúng tôi) tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động hiệu quả tại cả thị trường trong nước và nước ngoài, cùng với biên lợi nhuận gộp được duy trì ổn định.

- **Hạ tầng cho thuê** (doanh thu +16% YoY; đạt 22% dự báo cả năm của chúng tôi):

+ Trong quý 1/2026, CTR duy trì số lượng trạm ở mức 12.000, không thay đổi so với cuối năm 2025. Chúng tôi lưu ý rằng quý 1 thường là mùa thấp điểm để xây dựng trạm mới và CTR đã định hướng tốc độ xây trạm mới chậm lại từ năm 2026 trở đi (1.000 trạm mới/năm so với khoảng 2.000-3.000 trạm/năm giai đoạn 2022-2025). Tuy nhiên, số lượng trạm dùng chung vẫn tăng từ mức 491 trạm vào cuối tháng 2 lên 494 trạm vào cuối tháng 3, nhờ đó duy trì tỷ lệ dùng chung trạm (tenancy ratio) ở mức 1,04, phù hợp với quan điểm của chúng tôi.

+ Biên lợi nhuận gộp tăng 0,7 điểm phần trăm YoY lên 27,5% nhờ (1) không phát sinh thêm trạm mới, qua đó giúp hạn chế tác động làm suy giảm biên lợi nhuận từ các trạm mới xây (vốn thường chịu chi phí khấu hao cao trong giai đoạn đầu), và (2) tỷ lệ dùng chung trạm tiếp tục cải thiện giúp mở rộng biên lợi nhuận.

- **Xây dựng** (doanh thu +96% YoY; đạt 27% dự báo cả năm của chúng tôi):

+ Mảng xây dựng của CTR ghi nhận doanh thu 1.533 tỷ đồng trong quý 1/2026. Tổng giá trị hợp đồng đã ký kết (backlog) đạt 1,5 nghìn tỷ đồng tính đến quý 1/2026, bao gồm 846 tỷ đồng từ khách hàng mảng B2C & SME và 678 tỷ đồng từ khách hàng B2B.

+ Biên lợi nhuận gộp tiếp tục đi ngang YoY ở mức 5,2% dù trong bối cảnh tăng áp lực chi phí nguyên vật liệu xây dựng. Kết quả này được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng mạnh từ một số dự án nhà ở xã hội, khu dân cư cao cấp và dự án khách sạn/ngủ nghỉ dưỡng mới khởi công.

- **Giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật** (doanh thu +45% YoY; đạt 23% dự báo cả năm của chúng tôi):

+ Tăng trưởng tiếp tục được thúc đẩy bởi mảng giải pháp điện năng lượng mặt trời, nhờ lượng đơn hàng mới đạt 52,3 MWp và mở rộng độ phủ thêm 132 xã/phường, qua đó nâng tỷ lệ phủ sóng pin năng lượng mặt trời toàn quốc lên 42% (1.393/3.321 xã/phường).

+ Biên lợi nhuận gộp giảm 0,6 điểm phần trăm YoY do gia tăng chi phí đầu vào của giải pháp pin năng lượng mặt trời. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPM: LNST sau lợi ích CĐTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2 - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi (1,8 nghìn tỷ đồng, +70% YoY), do mức giá bán urê trung bình cao hơn kỳ vọng có thể bù đắp cho mức giá khí đầu vào cao hơn dự kiến, tuy nhiên vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện đưa ra mức giá mục tiêu 31.200 đồng/cổ phiếu cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM), tương ứng với tổng mức sinh lời kỳ vọng là 22% trong kịch bản cơ sở của chúng tôi.

Quý 1/2026: Doanh thu đạt 5,6 nghìn tỷ đồng (+36% YoY, ~29% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 402 tỷ đồng (+96% YoY, ~22% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Kết quả thực tế nhìn chung tương đồng với số liệu sơ bộ.

+ Sản lượng bán: 239 nghìn tấn urê (đi ngang YoY); 59 nghìn tấn NPK (+58% YoY).

+ Giá khí đầu vào ở mức 11 USD/triệu BTU (+3% YoY); giá bán trung bình urê tăng 10% YoY do các hợp đồng giá cao sẽ được ghi nhận vào quý 2/2026.

+ Doanh thu tăng 36% YoY chủ yếu nhờ (1) mức tăng 10% YoY của giá bán urê trung bình, (2) tiềm năng tăng trưởng của doanh thu thương mại, và (3) mức tăng 58% YoY của sản lượng bán NPK.

+ Biên lợi nhuận gộp hợp nhất tăng 80 điểm % YoY lên 16,7%, chủ yếu nhờ (1) mức tăng trưởng của biên lợi nhuận urê (do mức tăng giá bán vượt mức tăng chi phí khí đầu vào), nhiều khả năng đã bù đắp cho tác động từ tỷ trọng đóng góp cao hơn của doanh thu mảng thương mại có biên lợi nhuận thấp.

+ LNST sau lợi ích CĐTS gần như tăng gấp đôi YoY chủ yếu nhờ mức tăng 44% YoY của lợi nhuận gộp, mà chúng tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu đến từ mức tăng của giá bán trung bình urê và việc tận dụng lượng hàng tồn kho giá thấp từ cuối năm 2025.

Triển vọng quý 2/2026 tích cực hơn: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu cho sản lượng bán urê quý 2 ở mức 260 nghìn tấn (-1% YoY), trong đó xuất khẩu chiếm 38% tổng sản lượng bán urê, tăng mạnh từ mức 21% trong quý 1/2026. Kết hợp với mức giá bán urê trung bình quý 2 dự kiến ở mức 700-900 USD/tấn, điều này cho thấy triển vọng lợi nhuận quý 2 là tương đối khả quan.

Hàng tồn kho cuối quý 1/2026 ở mức cao, đạt 3,1 nghìn tỷ đồng (-11% QoQ, +45% YoY), từ đó cho thấy một phần hàng tồn kho giá thấp từ cuối năm 2025 đã được ghi nhận trong quý 1/2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DXG: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm - Báo cáo KQKD

* CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG) báo cáo KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+46% YoY, -8% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 38 tỷ đồng (-22% YoY, +356% QoQ). Kết quả LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 giảm so với cùng kỳ dù doanh thu tăng trưởng mạnh, chủ yếu do lợi ích cổ đông thiểu số tăng mạnh và biên lợi nhuận giảm.

* Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi là 237 tỷ đồng (+3% YoY) do chúng tôi kỳ vọng việc bàn giao dự án Gem Sky World sẽ tăng tốc trong các quý tiếp theo, được hỗ trợ bởi mục tiêu tái khởi động dự án vào cuối năm 2026.

* **Mảng phát triển bất động sản:** Doanh thu trong quý 1/2026 - mà chúng tôi cho rằng chủ yếu từ các dự án nhà ở do DXS tự phát triển - tăng 29% YoY đạt 860 tỷ đồng, hoàn thành 45% dự báo cả năm của chúng tôi. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng này giảm 18 điểm % YoY xuống 38% trong quý 1/2026, mà chúng tôi cho là do tỷ trọng đóng góp tương đối cao hơn từ các dự án do DXS tự phát triển.

* **Mảng môi giới bất động sản:** vui lòng tham khảo [Báo cáo KQKD của DXS](#) ngày 29/04 của chúng tôi.

* **Các dự án trọng điểm trong năm 2026:** The Privé (4,3 ha tại phường Bình Trưng, TP.HCM; khoảng 3.200 căn hộ trên 12 block) hiện đang trong giai đoạn mở bán, với kế hoạch bàn giao từ quý 2-quý 3/2027, kéo dài đến năm 2027-2029, theo ban lãnh đạo. Trong khi đó, DXG cho biết các căn còn lại tại Gem Sky World (khoảng 4.000 căn thấp tầng; khoảng 60% đã bán; Đồng Nai) đã sẵn sàng về mặt pháp lý để bán, với kế hoạch tái khởi động thương mại dự kiến vào cuối năm 2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DXS: Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1, vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

* CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) báo cáo KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+176% YoY, -13% QoQ) và LNST sau lợi ích CBTS đạt 189 tỷ đồng (+372% YoY, +969% QoQ). Lợi nhuận tăng mạnh so với cùng kỳ chủ yếu nhờ hiệu quả hoạt động cải thiện ở cả mảng môi giới và mảng bán bất động sản, cùng với tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý (SG&A)/doanh thu thấp hơn.

* Do lợi nhuận quý 1/2026 hoàn thành 50% dự báo cả năm của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy tiềm năng tăng dự báo LNST sau lợi ích CBTS năm 2026 là 375 tỷ đồng (+7% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Mảng môi giới:** Doanh thu của mảng này đạt 733 tỷ đồng (+262% YoY) trong quý 1/2026, hoàn thành 30% dự báo của chúng tôi. Biên lợi nhuận gộp của mảng giảm 5 điểm % YoY xuống 56% trong quý 1/2026, nhưng vẫn cao hơn dự báo cả năm 47% của chúng tôi. Doanh thu môi giới trong quý được hỗ trợ một phần bởi hoạt động phân phối môi giới cho dự án The Privé (do công ty mẹ DXG phát triển).

* **Mảng bán bất động sản:** Doanh thu của mảng trong quý 1/2026 đạt 682 tỷ đồng (+166% YoY), hoàn thành 58% dự báo của chúng tôi. Biên lợi nhuận gộp của mảng giảm 4 điểm % xuống 36% trong quý 1/2026, thấp hơn giả định của chúng tôi là 40% cho cả năm. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

FRT: Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng - Báo cáo KQKD

* **Quý 1/2026:** Doanh thu thuần tăng 30% YoY lên 15,1 nghìn tỷ đồng và LNST sau lợi ích CBTS tăng 71% YoY đạt 287 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu nhờ vào (1) đà tăng trưởng doanh thu ổn định và tăng trưởng biên lợi nhuận ròng của Long Châu, và (2) FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng, tiếp nối đà đảo chiều từ lỗ sang lãi ròng trong nửa cuối năm 2025. Cả doanh thu thuần và LNST sau lợi ích CBTS đều đạt 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng. Do đó, chúng tôi ghi nhận không có thay đổi đáng kể nào đối với các dự báo năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Long Châu:** Doanh thu tăng 28% YoY trong quý 1/2026, được hỗ trợ bởi tăng trưởng doanh thu trung bình tháng trên mỗi cửa hàng và việc tiếp tục mở rộng mạng lưới cửa hàng. Doanh thu trung bình tháng trên mỗi cửa hàng cải thiện lên mức 1,3 tỷ đồng (so với mức 1,2 tỷ đồng năm 2025). Biên lợi nhuận ròng tăng thêm 30 điểm cơ bản YoY lên mức 2,6%, qua đó hỗ trợ tăng trưởng LNST sau lợi ích CBTS 45% YoY.

* **FPT Shop:** Doanh thu tăng 31% YoY trong quý 1/2026. Doanh thu trung bình tháng trên mỗi cửa hàng tăng hơn 30% YoY lên mức 2,6 tỷ đồng, nhờ nhu cầu mua sắm laptop tăng cao trước kỳ vọng giá RAM và chipset sẽ tiếp tục tăng. Biên lợi nhuận gộp giảm 1,1 điểm phần trăm YoY xuống còn 11,3%, trong khi biên lợi nhuận từ HĐKD cải thiện 80 điểm cơ bản YoY lên mức 0,9%. FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng với biên lợi nhuận ròng đạt 0,3% trong quý 1/2026 (so với mức lỗ ròng trong quý 1/2025), sau khi có lãi ròng trở lại từ quý 3/2025.

* **Mạng lưới cửa hàng:** Tính đến cuối tháng 3/2026, FRT sở hữu 2.517 nhà thuốc (+100 cửa hàng so với cuối năm 2025), 228 trung tâm tiêm chủng (+5 trung tâm so với cuối năm 2025) và 621 cửa hàng FPT Shop (-2 cửa hàng so với cuối năm 2025). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GEX: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao - Báo cáo KQKD

* **Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi hiện tại (1.476 tỷ đồng, +16% YoY)** do lợi nhuận cốt lõi của VGC và GEE có khả năng sẽ ghi nhận ở mức cao hơn dự kiến, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo hiện tại (1.385 tỷ đồng, -6% YoY) của chúng tôi**, do mức chi phí lãi vay cao hơn kỳ vọng (liên quan đến khoản tài trợ nợ cho khu phức hợp Fairmont, Sân bay Quốc tế Gia Bình và các dự án khác) có thể bù trừ cho mức lợi nhuận cốt lõi cao hơn kỳ vọng ghi nhận từ VGC và GEE, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

* Danh mục tự doanh chứng khoán đạt 6,7 nghìn tỷ đồng tại cuối quý 1, -10% từ đầu năm đến nay (bao gồm trái phiếu và chứng khoán). Tỷ lệ nợ vay ròng/vốn chủ sở hữu tăng lên 89% từ mức 67% trong quý 4/2025 nhằm tài trợ cho các dự án BĐS nhà ở.

* Trong quý 1, GEX đã chi 8 nghìn tỷ đồng để đầu tư vào CTCP Sân bay Gia Bình và 5,3 nghìn tỷ đồng cho dự án BĐS nhà ở tại Đồng Nai (113 ha). Trong khi đó, GEL đã thu về 3 nghìn tỷ đồng từ việc chuyển nhượng 51% cổ phần tại FIH.

* **Chúng tôi hiện có quan điểm trung lập đối với các diễn biến mới, do tiềm năng tăng trưởng dài hạn đối với dự báo lợi nhuận của GEL/GEX** (do thương vụ mua quỹ đất 113 ha có thể bù đắp cho việc giảm tỷ lệ sở hữu tại FIH và việc ghi nhận mức chi phí lãi vay cao hơn), dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với GEX với giá mục tiêu là 54.000 đồng/cổ phiếu.

* **Quý 1/2026: doanh thu đạt 10,7 nghìn tỷ đồng (+35% YoY, khoảng 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 403 tỷ đồng (+38% YoY, khoảng 27% dự báo năm 2026); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 246 tỷ đồng (+5% YoY, khoảng 18% dự báo năm 2026).**

+ Lợi nhuận gộp tăng 25% YoY, chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) mức tăng 26% YoY của lợi nhuận gộp mảng thiết bị điện (doanh thu +38% YoY, biên lợi nhuận gộp giảm 1,4 điểm % xuống 14,5% do giá đồng đầu vào tăng, phù hợp với dự báo biên lợi nhuận của chúng tôi), (2) mức tăng 40% YoY của lợi nhuận gộp mảng VLXD (doanh thu +48% YoY), và (3) mức tăng 10% YoY của lợi nhuận gộp liên quan đến KCN (việc biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 48,9% đã bù đắp cho mức giảm 7% YoY của doanh thu). Trong quý 1, VGC đã bàn giao khoảng 20 ha đất KCN (-50% YoY).

+ LNST cốt lõi tăng 38% YoY chủ yếu nhờ mức tăng 25% YoY của lợi nhuận gộp và việc chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) được kiểm soát.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng thấp hơn mức tăng của lợi nhuận cốt lõi, chỉ đạt +5% YoY, chủ yếu do ghi nhận mức lỗ tỷ giá 80 tỷ đồng và lỗ đầu tư chứng khoán 28 tỷ đồng.

VGC: Mức tăng mạnh của doanh số cho thuê KCN củng cố tiềm năng tăng nhẹ

* **Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 (1,6 nghìn tỷ đồng, +17% YoY)** do diện tích bàn giao KCN có khả năng sẽ ghi nhận ở mức cao hơn kỳ vọng (150 ha so với dự báo của chúng tôi là 130 ha) dựa trên quan điểm của ban lãnh đạo và doanh số cho thuê 4 tháng đầu năm mạnh ở mức 111 ha, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện chúng tôi đang có khuyến nghị MUA đối với VGC với giá mục tiêu là 64.100 đồng/cổ phiếu.

Vui lòng xem nhận định chi tiết của chúng tôi về VGC trong [Báo cáo ĐHCĐ & KQKD VGC](#) của chúng tôi

GEE: Doanh số tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, biên lợi nhuận giảm nhẹ YoY do giá đồng tăng, tiềm năng tăng nhẹ

*** Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2026 (1.765 tỷ đồng, -14% YoY) của chúng tôi** do doanh thu có khả năng sẽ ghi nhận ở mức cao hơn kỳ vọng, khi quý 1 thường là mùa thấp điểm, trong khi biên lợi nhuận vẫn phù hợp với dự báo, mặc dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết.

*** Quý 1/2026: doanh thu đạt 7,1 nghìn tỷ đồng (+34% YoY, khoảng 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 579 tỷ đồng (+28% YoY, khoảng 31% dự báo năm 2026), LNST cốt lõi đạt 578 tỷ đồng, tương đương 33% dự báo năm 2026 của chúng tôi.**

+ Mức tăng LNST sau lợi ích CĐTS chủ yếu được thúc đẩy bởi mức tăng 22% của lợi nhuận gộp, trong đó mức tăng 34% YoY của doanh thu đã bù đắp cho mức giảm 1,5 điểm % của biên lợi nhuận gộp, xuống 14,3% (phù hợp với dự báo của chúng tôi là 14,1%), với nguyên nhân có khả năng là do giá đồng đầu vào tăng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDG: Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 lấn át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 hiện tại của chúng tôi (860 tỷ đồng, +12% YoY) do khoản trích lập dự phòng ngoài dự kiến cho Infra 1, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST cốt lõi năm 2026 do LNST cốt lõi quý 1 đã hoàn thành 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Hiện chúng tôi đang có khuyến nghị MUA đối với CTCP Tập đoàn Hà Đô (HDG) với giá mục tiêu là 36.200 đồng/cổ phiếu.

Quý 1/2026: doanh thu đạt 684 tỷ đồng (+14% YoY, khoảng 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 230 tỷ đồng (+22% YoY, khoảng 25% dự báo năm 2026 của chúng tôi); và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 50 tỷ đồng (-68% YoY, khoảng 6% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Kết quả thực tế nhìn chung tương đồng với số liệu sơ bộ.

+ Tăng trưởng doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) ghi nhận việc bàn giao 2 căn tại Charm Villas (đã bán trong năm 2025 và ghi nhận doanh thu trong quý 1/2026) so với không có căn nào trong quý 1/2025, và (2) mức tăng 14% YoY của doanh thu mảng cho thuê văn phòng & khách sạn.

+ Lợi nhuận gộp ghi nhận mức tăng 10% YoY chủ yếu nhờ mức tăng gấp 2,5 lần YoY của lợi nhuận gộp mảng BĐS từ Charm Villas. Dựa trên KQKD quý 1, chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp của Charm Villas sẽ đạt 88%, cao hơn dự báo của chúng tôi là 79%, có khả năng là nhờ mức giá vốn thấp hơn kỳ vọng (do chúng tôi thận trọng giả định mức tiền sử dụng đất cao hơn). Lợi nhuận gộp mảng điện gần như đi ngang YoY.

+ LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 22% YoY chủ yếu nhờ việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, hoàn thành 25% dự báo cả năm của chúng tôi, và nhìn chung phù hợp với kỳ vọng.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giảm mạnh 68% YoY chủ yếu do khoản dự phòng bất ngờ 193 tỷ đồng liên quan đến dự án điện mặt trời Infra 1, qua đó gây ảnh hưởng đến mức tăng của lợi nhuận cốt lõi.

Dự phòng mảng điện: Ban lãnh đạo đã thảo luận về đề xuất gần đây của EVN về việc áp dụng giá chuyển tiếp (4,6 US cents) trong giai đoạn từ ngày vận hành thương mại (COD) đến ngày có hợp đồng mua bán điện chính thức (CCA), đồng thời vẫn giữ giá FiT1 (9,35 UScents) kể từ ngày CCA. Dựa trên đề xuất mới nhất này,

+ **Infra 1:** HDG đã ghi nhận khoảng 193 tỷ đồng chi phí dự phòng trong quý 1/2026 cho phần chênh lệch giữa giá chuyển tiếp và FIT1 trong giai đoạn từ COD (tháng 9/2020) đến CCA (tháng 2/2023). Ban lãnh đạo kỳ vọng sẽ không còn phải trích lập thêm khoản dự phòng nào cho dự án này trong thời gian tới.

+ **Hồng Phong 4:** HDG dự kiến sẽ không hoàn nhập khoảng 600 tỷ đồng dự phòng đã ghi nhận trước đó, phù hợp với dự báo hiện tại của chúng tôi. Ban lãnh đạo dự kiến sẽ nhận được CCA trong quý 3/2026, với kỳ vọng sẽ không có vấn đề nghiêm trọng liên quan đến trữ lượng titan, và đặt mục tiêu khép lại vấn đề của Hồng Phong 4 vào cuối năm 2026. Trong thời gian chưa nhận được CCA, chúng tôi dự báo mức chi phí dự phòng sẽ ở mức khoảng 25 tỷ đồng mỗi quý.

Tại ĐHCĐ gần đây, HDG đặt mục tiêu sẽ ghi nhận 15-20 căn Charm Villas trong năm 2026, so với dự báo của chúng tôi là 14 căn. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu cho doanh thu từ Charm Villas trong năm 2026 ở mức 539 tỷ đồng, cao hơn khoảng 43% so với dự báo của chúng tôi. Ban lãnh đạo kỳ vọng quyết toán tiền sử dụng đất cuối cùng sẽ ghi nhận ở mức khoảng 500 tỷ đồng (đã được ghi nhận vào giá vốn). Tuy nhiên, chúng tôi vẫn sẽ giữ nguyên quan điểm hiện tại, do điều kiện thị trường BĐS nhà ở vẫn chưa thực sự thuận lợi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HSG: Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo - Báo cáo KQKD

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG) công bố KQKD nửa đầu năm tài chính 2026:

Nửa đầu năm tài chính 2026:

- Doanh thu thuần: 17.350 tỷ đồng (-7% YoY; đạt 39% dự báo cả năm tài chính 2026 của chúng tôi).

- NPAT-MI: VND181bn (USD7,0mn; -51% YoY; 31% of our FY2026F forecast). LNST sau lợi ích CĐTS: 181 tỷ đồng (-51% YoY; đạt 31% dự báo cả năm tài chính 2026 của chúng tôi).

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 172 tỷ đồng (+58% YoY; đạt 31% dự báo cả năm tài chính 2026 của chúng tôi). Lợi nhuận cốt lõi loại trừ (1) trích lập/hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho, (2) lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, và (3) lãi/lỗ khác).

Quý 2 năm tài chính 2026:

- Doanh thu thuần: 8.967 tỷ đồng (+7% QoQ, +6% YoY).

- LNST sau lợi ích CĐTS: 119 tỷ đồng (+90% QoQ, -42% YoY).

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 133 tỷ đồng (+241% QoQ, so với mức lỗ 20 tỷ đồng trong quý 2/2025). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KBC: Lợi nhuận quý 1/2026 giảm do bàn giao đất KCN thấp hơn; backlog chưa ghi nhận doanh thu vẫn ở mức cao - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC) công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (-56% YoY và -19% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 224 tỷ đồng (-71% YoY và -63% QoQ), lần lượt hoàn thành 13% và 8% dự báo cả năm của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng kết quả quý 1/2026 chủ yếu đến từ việc bàn giao 9,8 ha tại KCN NSHL và 5 ha tại KCN Quế Võ 2 mở rộng - giảm mạnh từ mức nền cao khoảng 90 ha tại các cụm công nghiệp Hưng Yên trong quý 1/2025.

* Doanh số cho thuê đất KCN mới (ký kết và/hoặc MOU) trong quý 1/2026 đạt khoảng 30 ha (so với doanh số cho thuê đất KCN cả năm 2025 ước tính là 250 ha), nâng backlog ước tính chưa ghi nhận doanh thu lên khoảng 163 ha vào cuối quý 1/2026 (so với 148 ha vào cuối năm 2025).

* Mặc dù lượng bàn giao thấp hơn, biên lợi nhuận gộp mảng KCN đã cải thiện đáng kể lên 66,6% trong quý 1/2026 từ mức 42,2% trong quý 1/2025. Chúng tôi cho rằng mức tăng này đến từ giá cho thuê trung bình cao hơn và cơ cấu biên lợi nhuận thuận lợi hơn, khi doanh thu quý 1/2026 chủ yếu được ghi nhận từ KCN NSHL và KCN Quế Võ 2 mở rộng có biên cao hơn so với quý 1/2025 khi doanh thu chủ yếu đến từ các cụm công nghiệp Hưng Yên.

* Mặc dù lượng bàn giao quý 1/2026 ở mức thấp, mảng KCN nhìn chung vẫn đang đúng tiến độ so với dự báo bàn giao cả năm 2026 của chúng tôi là 157 ha, được hỗ trợ bởi doanh số cho thuê đất ổn định trong quý 1 và backlog chưa ghi nhận doanh thu đáng kể khoảng 163 ha, mà chúng tôi kỳ vọng sẽ thúc đẩy lượng bàn giao trong phần còn lại của năm 2026. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐT năm 2026 là 3,0 nghìn tỷ đồng (+42% YoY), chủ yếu liên quan đến thời điểm bàn giao và ghi nhận doanh thu cho dự án Khu Đô thị Trảng Cát (khoảng 585 ha; Hải Phòng). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KDH: LNST sau lợi ích CĐT quý 1/2026 tăng 131% YoY nhờ thu nhập khác ròng bất thường - Báo cáo KQKD

* **CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) công bố KQKD quý 1/2026** với doanh thu thuần đạt 281 tỷ đồng (-60% YoY và -84% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐT đạt 281 tỷ đồng (+131% YoY và -42% QoQ), lần lượt hoàn thành 4% và 17% dự báo cả năm của chúng tôi.

* LNST sau lợi ích CĐT quý 1/2026 được hỗ trợ chủ yếu bởi thu nhập khác ròng - khoản lãi từ giao dịch mua rẻ liên quan đến An Lập, cùng với việc bàn giao 6 căn thấp tầng tại dự án Gladia trong quý.

* Theo Nghị quyết HĐQT của KDH ngày 10/02/2026, công ty đã thông qua việc công ty con do KDH sở hữu 99% vốn là Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Phúc Thông mua lại số cổ phần tương đương 99% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản An Lập, với giá trị chuyển nhượng là 2,55 nghìn tỷ đồng. An Lập là chủ đầu tư của một dự án nhà ở rộng 8,2 ha tại phường Cát Lái (TP.HCM; tiếp giáp với dự án Gladia 11,8 ha và Bình Trưng Đông 18,2 ha của KDH); dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý quan trọng, bao gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ khu đất ở và phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.

* Mặc dù dự báo của chúng tôi không bao gồm khoản lãi quý 1/2026 liên quan đến An Lập, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐT năm 2026 là 1,67 nghìn tỷ đồng (+60% YoY), do việc ghi nhận khoản lãi này có khả năng bù đắp cho giả định điều chỉnh giảm của chúng tôi về số lượng bàn giao căn thấp tầng tại Gladia trong năm nay so với dự báo trước đây, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Gladia by the Waters** (Liên doanh với Keppel, KDH sở hữu 51%; 11,8 ha; Phường Bình Trưng, TP.HCM): Khoảng 55% đến 60% (tương đương khoảng 124 đến 136 căn) tổng số căn thấp tầng (tổng cộng 226 biệt thự & nhà phố) đã được bán tính đến cuối năm 2025. Trong đó, khoảng 76 căn đã được bàn giao và ghi nhận doanh thu tính đến cuối quý 1/2026. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu mở bán phân khu cao tầng (616 căn hộ và 23 căn shophouse; đã khởi công vào tháng 01/2026) từ quý 3/2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NKG: KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD

CTCP Thép Nam Kim (NKG) công bố KQKD quý 1/2026:

- Doanh thu thuần: 3.261 tỷ đồng (+4% QoQ, -20% YoY; đạt 12% dự báo năm 2026 của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐT: 22 tỷ đồng (so với mức lỗ 9 tỷ đồng trong quý 4/2025, -66% YoY; đạt 4% dự báo năm 2026 của chúng tôi)

- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 22 tỷ đồng (so với mức lỗ 10 tỷ đồng trong quý 4/2025, -25% YoY; đạt 4% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Lợi nhuận cốt lõi không bao gồm các khoản trích lập/hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho bất thường. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

OIL: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD

*** OIL đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 44,9 nghìn tỷ đồng (+37% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 516 tỷ đồng (gấp 18,5 lần YoY).** Tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 29% YoY của sản lượng bán trong nước, nhờ việc đẩy mạnh hoạt động nhập khẩu và phân phối nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, cùng với (2) tác động tích cực từ giá vốn tồn kho thấp, khi lượng tồn kho tích lũy cuối Q4 2025 và đầu Q1 2026 được bán ra trong bối cảnh giá dầu tăng. Giá dầu Brent tăng 24% QoQ trong quý 1/2026, trong khi giá bán lẻ xăng và dầu diesel lần lượt tăng 6% và 18% QoQ, qua đó hỗ trợ đà tăng trưởng của biên lợi nhuận. Các yếu tố tích cực này đã góp phần bù đắp cho (3) mức tăng 75% YoY của chi phí bán hàng, (4) mức tăng 92% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp, và (5) mức tăng 64% YoY của chi phí lãi vay. Chúng tôi lưu ý rằng OIL đã ghi nhận một khoản trích lập dự phòng hàng tồn kho không đáng kể trong quý 1.

*** Doanh thu quý 1 và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo lần lượt hoàn thành 38% và 88% dự báo cả năm của chúng tôi.** Tuy nhiên, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm thận trọng và cho rằng sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi lưu ý rằng OIL trước đó đã công bố LNTT sơ bộ 4 tháng đầu năm 2026 đạt 200 tỷ đồng (-44% YoY; tương đương khoảng 24% dự báo năm 2026 của chúng tôi), qua đó phản ánh xu hướng đảo chiều của lợi nhuận tồn kho trong bối cảnh giá dầu điều chỉnh giảm trong tháng 4. Trong các quý tới, biến động mạnh của giá dầu sẽ tiếp tục là rủi ro đáng kể đối với triển vọng lợi nhuận của OIL. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PLC: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi - Báo cáo KQKD

*** PLC đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (-1% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 10 tỷ đồng (-68% YoY).** Sự sụt giảm của lợi nhuận chủ yếu đến từ (1) mức tăng mạnh 72% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp và (2) mức suy giảm đáng kể của mảng hóa chất & dung môi, trong đó lợi nhuận gộp giảm 62% YoY và ban lãnh đạo cho biết mảng này đã ghi nhận mức lỗ trước thuế 39 tỷ đồng, chủ yếu do việc ghi nhận chi phí vận hành ở mức cao và phải trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi nhận thấy các khoản phải thu khó đòi đã tăng lên mức 307 tỷ đồng vào cuối quý 1/2026 (tăng 28 tỷ đồng QoQ), trong khi khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã giảm nhẹ xuống mức 48 tỷ đồng (giảm 7 tỷ đồng QoQ). Các yếu tố tiêu cực này đã lấn át diễn biến tích cực của (3) mảng nhựa đường, với lợi nhuận gộp tăng 26% YoY, và (4) mảng dầu nhờn, với lợi nhuận gộp tăng 19% YoY.

*** Doanh thu quý 1 đã hoàn thành 22% dự báo cả năm của chúng tôi, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo chỉ hoàn thành 4%.** Mức KQKD thấp hơn kỳ vọng này chủ yếu đến từ mức lợi nhuận gộp thấp hơn dự kiến của mảng hóa chất & dung môi và mức chi phí quản lý doanh nghiệp cao hơn dự kiến. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng mảng nhựa đường sẽ tiếp tục là động lực lợi nhuận chính, nhờ được hỗ trợ bởi tiến độ giải ngân đầu tư công tích cực.

*** Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với PLC với giá mục tiêu là 31.900 đồng/cổ phiếu.** [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PNJ: LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026 - Báo cáo KQKD

* **KQKD quý 1/2026:** Doanh thu thuần đạt 17,2 nghìn tỷ đồng (+79% YoY; đạt 45% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST đạt 1.467 tỷ đồng (+117% YoY; đạt 58% dự báo năm 2026 của chúng tôi), vượt kỳ vọng.

*** KQKD theo từng mảng:**

- **Mảng bán lẻ** (chiếm 48% tổng doanh thu quý 1/2026) ghi nhận doanh thu tăng 22% YoY trong quý 1/2026. Chúng tôi cho rằng kết quả này đến từ mức tăng trưởng hai chữ số của giá trị đơn hàng trung bình, nhờ giá bán cao hơn (do PNJ chuyển phần chi phí đầu vào tăng sang giá bán).

- **Doanh thu bán sỉ** (chiếm 9% tổng doanh thu) tăng 34% YoY trong quý 1/2026, chủ yếu nhờ giá bán tăng (do PNJ chuyển phần chi phí đầu vào tăng sang giá bán).

- **Doanh thu vàng miếng** (chiếm 43% tổng doanh thu) tăng mạnh 325% YoY trong quý 1/2026 do PNJ đã chủ động đảm bảo nguồn cung vàng nguyên liệu từ trước. Số liệu này được so sánh trên mức nền thấp của quý 1/2025, tức thời điểm bị ảnh hưởng bởi những thách thức trong việc thu mua vàng nguyên liệu.

* **Tỷ suất lợi nhuận:** Biên lợi nhuận gộp giảm 1,3 điểm phần trăm YoY xuống còn 20,0% trong quý 1/2026 do tỷ trọng đóng góp cao từ mảng bán vàng miếng vốn có biên lợi nhuận thấp (tỷ trọng doanh thu vàng miếng đạt 43% trong quý 1/2026 so với 18% trong quý 1/2025), trong khi biên lợi nhuận gộp mảng bán lẻ ước tính cải thiện YoY. Biên lợi nhuận ròng cải thiện 1,5 điểm phần trăm YoY lên mức 8,5% trong quý 1/2026, nhờ tỷ lệ chi phí SG&A/doanh thu thuần giảm 3,3 điểm phần trăm YoY.

* **Mạng lưới cửa hàng:** Tổng số cửa hàng của PNJ giảm 1 cửa hàng xuống còn 430 cửa hàng tại thời điểm cuối quý 1/2026 so với cuối năm 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

POW: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng - Báo cáo KQKD

Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 hiện tại, nhờ mức sản lượng hợp đồng không huy động cao hơn kỳ vọng từ Nhơn Trạch 3&4 (NT 3&4) và chi phí khấu hao thấp hơn kỳ vọng. Chúng tôi kỳ vọng mức lỗ thấp hơn kỳ vọng từ NT 3&4 và lợi nhuận cao hơn kỳ vọng từ Nhơn Trạch 1 sẽ bù đắp cho rủi ro giảm nhẹ tại NT2. KQKD quý 1/2026 thấp hơn kỳ vọng của NT2 cho thấy tác động tiêu cực nhẹ đến dự báo lợi nhuận của POW, ước tính tối đa khoảng 2% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của POW, do NT2 đóng góp khoảng 20% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của POW (vui lòng xem thêm chi tiết tại [Báo cáo KQKD của NT2](#)). Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với POW với giá mục tiêu là 16.700 đồng/cổ phiếu.

* **Quý 1/2026:** sản lượng thương phẩm đạt 5,6 tỷ kWh (+31% YoY, bằng 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi), doanh thu đạt 12,3 nghìn tỷ đồng (+51% YoY, bằng 23% dự báo năm 2026 của chúng tôi), LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (gấp 2,7 lần YoY, bằng 47% dự báo năm 2026 của chúng tôi), và LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đạt 1,23 nghìn tỷ đồng (gấp 2,1 lần YoY, bằng 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Mức tăng mạnh của sản lượng thương phẩm chủ yếu đến từ đóng góp mới của các nhà máy điện khí LNG NT 3&4 (874 triệu kWh, tương đương khoảng 15% tổng sản lượng thương phẩm quý 1/2026).

- Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi mức tăng 31% YoY của sản lượng và mức tăng 15% YoY của giá bán trung bình. Giá bán trung bình tăng chủ yếu nhờ: (1) đóng góp từ các nhà máy điện LNG có giá bán cao hơn, và (2) tỷ lệ sản lượng hợp đồng (Qc) trong quý 1/2026 tăng nhẹ lên mức 91% (so với 86% ghi nhận trong quý 1/2025).

- Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh của LNST sau lợi ích CĐTS chủ yếu đến từ: (1) mức tăng mạnh YoY của sản lượng thương phẩm và giá bán trung bình, (2) kết quả hoạt động ấn tượng của NT 3&4 với tỷ lệ Qc lũy kế từ đầu năm đạt 163% và sản lượng Qc không huy động đạt 549 triệu kWh, tương đương 89% dự báo năm 2026 của chúng tôi, và (3) mức giảm 30% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp, qua đó bù đắp cho (4) mức tăng gấp 3,5 lần YoY của chi phí lãi vay.

*** Chi phí khấu hao quý 1 đạt 963 tỷ đồng, +37% YoY, hoàn thành 21% dự báo năm 2026 của chúng tôi.**

*** Chúng tôi kỳ vọng KQKD quý 2 sẽ tương đối tích cực, với sản lượng thương phẩm và giá trên thị trường phát điện cạnh tranh dự kiến sẽ tăng QoQ.** Chúng tôi lưu ý rằng, theo thông tin từ các chuyên gia trong ngành, POW đã đảm bảo được 3,1 tỷ kWh sản lượng hợp đồng cho giai đoạn nửa đầu năm.

*** POW đã đưa ra kế hoạch thận trọng cho quý 2/2026** với mục tiêu sản lượng thương phẩm ở mức 6,5 tỷ kWh (+38% YoY), doanh thu/LNST lần lượt đạt 14,9 nghìn tỷ đồng và 570 tỷ đồng (+58% YoY và -25% YoY). Chúng tôi lưu ý rằng, trong quá khứ, POW luôn vượt kế hoạch do công ty để ra, với LNST thực tế vượt 6,5 lần so với kế hoạch trong năm 2025.

*** Đảm bảo đủ nguồn cung LNG cho đến cuối năm:** POW đã đảm bảo được 9,6 triệu MMBTU LNG, nhìn chung đủ để hoạt động đến hết tháng 4/2026. Công ty cũng đã ký hợp đồng thêm 3,2 triệu MMBTU cho tháng 5/2026 và đang trong quá trình mua thêm 24,8 triệu MMBTU để hỗ trợ hoạt động trong giai đoạn tháng 6-tháng 12/2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVD: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3,7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

*** PVD đã công bố KQKD quý 1/2026 tích cực với doanh thu đạt 130,1 triệu USD (+118% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 11,7 triệu USD (+93% YoY).** LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng mạnh 277% YoY lên mức 12,7 triệu USD. Tăng trưởng lợi nhuận mạnh chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 170% YoY của lợi nhuận gộp mảng khoan, nhờ mức tăng 4% YoY của giá thuê ngày trung bình của giàn tự nâng, và đà phục hồi mạnh của hiệu suất hoạt động (lên mức 96%; so với 76% ghi nhận trong quý 1/2025, do PVD VI phải thực hiện đại tu), cùng với đóng góp mới từ PVD VIII; (2) mức tăng 71% YoY của lợi nhuận gộp mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan; và (3) mức tăng 19% YoY của lợi nhuận từ công ty liên kết, qua đó phản ánh việc hoạt động thăm dò và khai thác (E&P) diễn ra sôi động hơn. Các yếu tố tích cực này đã góp phần bù đắp cho mức tăng 75% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp.

*** LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo và LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 1 lần lượt hoàn thành 24% và 25% dự báo cả năm của chúng tôi (nhìn chung phù hợp với kỳ vọng), do đó chúng tôi cho rằng sẽ không có thay đổi đáng kể đối với dự báo hiện tại của chúng tôi.** Chúng tôi tin rằng đà phục hồi mạnh của mảng khoan cùng với đà tăng trưởng liên tục của mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan sẽ thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng trong năm 2026. Trong khi đó, thu nhập tài chính cao hơn kỳ vọng có thể bù đắp cho chi phí tài chính cao hơn dự kiến.

*** Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với PVD với giá mục tiêu là 40.900 đồng/cổ phiếu.** Vui lòng tham khảo [Báo cáo Cập nhật](#) của chúng tôi để biết thêm chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVT: LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

*** Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT) đã công bố KQKD quý 1/2026 với doanh thu đạt 4,2 nghìn tỷ đồng (+50% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 319 tỷ đồng (+48% YoY).** LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 32% YoY lên mức 274 tỷ đồng. Tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu được thúc đẩy bởi: (1) mức tăng 31% YoY của lợi nhuận gộp mảng vận tải, nhờ sự gia tăng của công suất đội tàu và giá cước vận tải, (2) mức tăng 32% YoY của doanh thu tài chính, và (3) mức tăng mạnh của thu nhập khác ròng, lên mức 56 tỷ đồng (so với 9 tỷ đồng trong quý 1/2025), đây là khoản thu nhập bồi thường liên quan đến các tàu bị ảnh hưởng tại Eo biển Hormuz theo các thỏa thuận cho thuê tàu định hạn/hợp tác (theo bộ phận quan hệ nhà đầu tư của PVT). Các yếu tố này đã góp phần bù đắp cho mức tăng 26% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp.

*** Doanh thu vận tải tăng 26% YoY, trong khi lợi nhuận gộp mảng này tăng 31% YoY.** Kết quả này chủ yếu được hỗ trợ bởi đóng góp trọn vẹn từ các tàu được mua trong năm 2025 (tương đương với mức tăng 22% về tổng trọng tải DWT), cùng với đà tăng của cước vận tải tàu chở dầu toàn cầu. Trong quý 1/2026, mức cước tham chiếu của các tàu chở dầu Aframax/MR/Handymax lần lượt tăng 60%/24%/13% YoY.

*** Doanh thu quý 1 và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo hoàn thành lần lượt 23% và 21% dự báo cả năm của chúng tôi (nhìn chung phù hợp với kỳ vọng), do mức tăng đối với cước tàu chở dầu dự kiến sẽ được phản ánh đầy đủ hơn từ quý 2/2026 trở đi.** Chúng tôi lưu ý rằng tính đến ngày 23/04/2026, mức cước tàu chở dầu bình quân từ đầu quý 2/2026 đến nay đã ghi nhận mức tăng đáng kể: cước tàu Aframax (tàu chở dầu thô) tăng lên 60.000 USD/ngày (+25% QoQ; +104% YoY), cước tàu chở dầu tầm trung (MR) đạt 32.300 USD/ngày (+29% QoQ; +64% YoY), và cước tàu chở hóa chất tăng lên mức 29.000 USD/ngày (+30% QoQ; +58% YoY). Đáng chú ý, PVT cũng đã ký được hợp đồng mới cho tàu chở dầu thô Apollo với mức cước khoảng 70.000 USD/ngày, cao hơn 75% so với mức cũ (khoảng 40.000 USD/ngày).

*** Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với PVT với giá mục tiêu là 30.800 đồng/cổ phiếu.** Vui lòng tham khảo [Báo cáo Cập nhật](#) của chúng tôi để biết thêm chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

SSI: Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay ký quỹ cải thiện - Báo cáo KQKD

CTCP Chứng khoán SSI (SSI) công bố KQKD hợp nhất quý 1/2026 với LNTT đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (+52% YoY), đạt 25% dự báo hợp nhất cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng doanh thu trên diện rộng ở hầu hết các mảng kinh doanh. LNTT của SSI tăng 59% QoQ nhờ khoản lỗ từ đầu tư FVTPL thấp hơn so với quý trước. Nhìn chung, kết quả của SSI phù hợp với dự báo của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo của chúng tôi cho SSI, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

1. Dịch vụ môi giới:

* Thị phần môi giới của SSI trên 3 sàn giao dịch trong quý 1/2026 đạt 10,9%, giảm từ mức 12,1% trong quý 4/2025, trong khi tỷ lệ phí hoa hồng bình quân vẫn ổn định ở mức 0,15%. Tuy nhiên, thị phần của SSI vẫn tăng 1,2 điểm % YoY so với quý 1/2025.

* Theo đó, doanh thu môi giới quý 1/2026 của SSI đạt 606 tỷ đồng (+95% YoY), vượt mức tăng 85% YoY của giá trị giao dịch bình quân ngày toàn thị trường.

2. Cho vay ký quỹ:

* Dư nợ cho vay ký quỹ của SSI đạt 36,9 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026 (-5,2% QoQ nhưng +36% YoY). Ngoài ra, chúng tôi ước tính lãi suất cho vay ký quỹ thực tế đã tăng 85 điểm cơ bản YoY lên 11,1%, hỗ trợ tăng trưởng mạnh doanh thu cho vay ký quỹ lên 1,1 nghìn tỷ đồng (+67% YoY) trong quý 1/2026.

* Tuy nhiên, chúng tôi ước tính chi phí vốn của SSI tăng 1,6 điểm % YoY, vượt mức tăng của lãi suất cho vay kỳ quỹ và do đó gây áp lực một phần lên biên lợi nhuận của mảng này.

3. Hoạt động đầu tư và ngân hàng đầu tư (IB):

* SSI ghi nhận 15,4 tỷ đồng doanh thu bảo lãnh phát hành trong quý 1/2026, so với chỉ 7,1 tỷ đồng trong cả năm 2025. Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh chủ yếu do vai trò của SSI trong giao dịch phát hành riêng lẻ của BID đã hoàn tất trong quý 1/2026.

* Lãi từ FVTPL của SSI đạt 1,3 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026 (+22,8% YoY nhưng -20,8% QoQ). Tuy nhiên, nhờ lỗ từ FVTPL thấp hơn, đặc biệt là từ các hoạt động phái sinh, lãi thuần từ FVTPL đạt 774 tỷ đồng (+4,2% YoY và +48,8% QoQ). Chúng tôi coi đây là một trong những động lực chính đằng sau mức tăng trưởng LNTT theo quý mạnh mẽ của SSI trong quý 1/2026. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

STB: Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) công bố KQKD quý 1/2026 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 7,5 nghìn tỷ đồng (-3,3% YoY) và LNTT đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (-42,7% YoY), lần lượt hoàn thành 22% và 12% dự báo cả năm của chúng tôi. Khả năng sinh lời vẫn chịu áp lực khi chất lượng tài sản tiếp tục suy giảm và chi phí dự phòng duy trì ở mức cao đã bù đắp hoàn toàn hiệu quả hoạt động cốt lõi. Ngoài ra, STB không ghi nhận tăng trưởng tín dụng trong quý 1/2026. Nhìn chung, kết quả quý 1 yếu cho thấy rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận cả năm của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 là 0,1%, thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng 3,2% toàn hệ thống và kỳ vọng của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng điều này một phần do nhu cầu vay yếu từ khách hàng cá nhân và SME trong bối cảnh môi trường vận hành không chắc chắn hơn và lãi suất cao hơn. Ngoài ra, chi phí vốn của STB vẫn ở mức tương đối cao hơn so với các ngân hàng hàng đầu, điều này có thể đã hạn chế khả năng cạnh tranh cho vay của ngân hàng.

* Tiền gửi khách hàng giảm 2,8% so với đầu năm trong quý 1/2026, trong khi tổng nguồn vốn huy động (bao gồm tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) cũng giảm 2,8%, đánh dấu quý thứ hai liên tiếp nguồn vốn bị thu hẹp. Áp lực huy động tương tự cũng được ghi nhận ở nhiều ngân hàng khác. Chúng tôi tin rằng điều này chủ yếu phản ánh sự cạnh tranh tiền gửi gay gắt, đặc biệt là ở mảng chứng chỉ tiền gửi (CD), nơi STB có ít lợi thế cạnh tranh hơn, dẫn đến một phần dòng tiền dịch chuyển khỏi các sản phẩm tiền gửi khách hàng truyền thống.

* Tỷ lệ CASA quý 1/2026 của STB giảm 1,3 điểm % YoY nhưng tăng nhẹ 89 điểm cơ bản QoQ lên mức 16,2%.

* NIM quý 1/2026 của STB giảm 103 điểm cơ bản YoY xuống 2,77%, thấp hơn dự báo của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng sự sụt giảm mạnh này chủ yếu do (1) nợ xấu mới hình thành tăng đáng kể từ quý 4/2025 sang quý 1/2026 gây áp lực lên lợi suất tài sản sinh lãi (IEA), và (2) chi phí vốn cao hơn sau chu kỳ tăng lãi suất huy động trong quý 4/2025, mức tăng này đã bù trừ hoàn toàn tác động tích cực từ việc số dư tiền gửi khách hàng thấp hơn.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) quý 1/2026 đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+60,3% YoY), nhờ thu nhập khác tăng mạnh, chủ yếu là thu nhập từ thu hồi nợ tăng lên 324 tỷ đồng so với mức âm 104 tỷ đồng năm ngoái. Ngược lại, thu nhập phí thuần (NFI) chỉ tăng 3% YoY.

* Chi phí tín dụng quy đổi theo năm của STB tăng mạnh lên 1,29% trong quý 1/2026 so với mức chỉ 0,14% trong quý 1/2025. Tuy nhiên, chi phí tín dụng quy đổi theo năm trong quý 1/2026 đã hạ nhiệt so với mức 5,90% của quý 4/2025. Chúng tôi đánh giá đây là điểm tích cực, vì nó cho thấy tốc độ làm sạch bảng cân đối kế toán đang chậm lại.

* Tỷ lệ nợ xấu tăng 21 điểm cơ bản QoQ và 411 điểm cơ bản YoY lên 6,62% trong quý 1/2026. Trong đó, nợ nhóm 5 chiếm 4,87% tổng dư nợ (+10 điểm cơ bản QoQ) và nợ nhóm 4 chiếm 1,24% tổng dư nợ (+71 điểm cơ bản QoQ). Ngược lại, tỷ trọng nợ nhóm 3 giảm xuống 0,5% tổng dư nợ (-60 điểm cơ bản QoQ), cho thấy các khoản nợ xấu mới hình thành trong quý 4/2025 đã bị chuyển xuống nhóm nợ thấp hơn. Trong khi đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của STB đã cải thiện lên 53,2% trong quý 1/2026 từ mức 50,0% của quý trước. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

STK: Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo - Báo cáo KQKD

* **CTCP Sợi Thế Kỷ (STK) công bố KQKD quý 1/2026 yếu**, với doanh thu đạt 268 tỷ đồng (-29% YoY; -17% QoQ; đạt 10% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS âm 34 tỷ đồng (-197% YoY; -439% QoQ; so với mức dự báo lãi cả năm 164 tỷ đồng của chúng tôi). Khoản lỗ chủ yếu do nhu cầu yếu, chi phí khấu hao (D&A) của Unitex cùng các chi phí liên quan đến việc dừng máy, và chi phí tài chính tăng mạnh. Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Sản lượng bán hàng tiếp tục ở mức yếu**: Tổng sản lượng bán hàng quý 1 giảm xuống còn 4.896 tấn (-32% YoY; -22% QoQ; đạt 10% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi), qua đó phản ánh nhu cầu yếu và tâm lý thận trọng trong việc tích trữ hàng tồn kho. Tuy nhiên, giá bán trung bình (ASP) trung bình tăng 5,7% YoY và 3,9% QoQ, giúp giảm bớt phần nào tác động từ việc sụt giảm sản lượng.

+ Sợi nguyên sinh: Doanh thu đạt 119 tỷ đồng (-37% YoY; -19% QoQ; đạt 13% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi), do sản lượng giảm 23% YoY và 41% QoQ. ASP tăng 4,7% YoY và 8,2% QoQ, cho thấy STK duy trì giá bán thay vì chạy theo các đơn hàng có biên lợi nhuận thấp.

+ Sợi tái chế: Doanh thu đạt 149 tỷ đồng (-21% YoY; -16% QoQ; đạt 9% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi). Sản lượng giảm 20% YoY và 16% QoQ, trong khi ASP tăng 6,2% YoY nhưng giảm 6,4% QoQ. Sợi tái chế đóng góp 47% tổng sản lượng bán hàng quý 1 so với mức 39%/47% của quý 1/quý 4 năm 2025, qua đó củng cố sự dịch chuyển cơ cấu sang các sản phẩm bền vững.

* **Biên lợi nhuận gộp thu hẹp xuống 13,3% trong quý 1/2026** (so với mức 20,8% trong quý 1/2025; 17,1% trong quý 4/2025; và so với dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi là 12,0%). Mặc dù chênh lệch giá bán gộp cải thiện 4,6% YoY và 6,1% QoQ, nhưng mức tăng này bị bù trừ bởi (1) áp lực chi phí cố định cao do hiệu suất hoạt động thấp, cùng chi phí khấu hao ban đầu từ nhà máy Unitex và (2) các chi phí liên quan đến việc dừng máy.

+ Biên lợi nhuận gộp sợi nguyên sinh của công ty mẹ giảm xuống chỉ còn 0,9% (so với 8,8% trong quý 1/2025; 10,3% trong quý 4/2025; so với dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi là 4,9%).

+ Biên lợi nhuận gộp sợi tái chế của công ty mẹ giảm xuống 17,8% (so với 35,1% trong quý 1/2025; 28,4% trong quý 4/2025; so với dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi là 15,9%).

* **Chi phí tài chính vẫn là áp lực chính**: Chi phí tài chính tăng mạnh lên 47 tỷ đồng (+96% YoY; +226% QoQ; đạt 47% dự báo năm tài chính 2026 của chúng tôi), chủ yếu do chi phí lãi vay liên quan đến Unitex. Điều này đã ăn mòn lợi nhuận từ HĐKD (vẫn đang ở mức dương) của STK.

* **Nhìn chung, KQKD quý 1 cho thấy STK vẫn đang trong giai đoạn chuyển tiếp**: sự phục hồi nhu cầu vẫn chưa rõ rệt, trong khi các chi phí liên quan đến Unitex đã bắt đầu được ghi nhận. Việc phục hồi lợi nhuận đáng kể sẽ cần sự phục hồi đơn hàng mạnh hơn và hiệu suất hoạt động cao hơn trong các quý tới. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VCB: Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục cải thiện - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố KQKD quý 1/2026 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 21,2 nghìn tỷ đồng (+22,7% YoY) và LNTT đạt 11,8 nghìn tỷ đồng (+8,7% YoY), lần lượt hoàn thành 25% và 22% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Nhìn chung, KQKD của ngân hàng về cơ bản phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với các dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Theo quan điểm của chúng tôi, kết quả quý 1/2026 rất khả quan trên các chỉ số chính và củng cố nhận định rằng tăng trưởng lợi nhuận của VCB sẽ tăng tốc trong giai đoạn 2026-2027, được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố thuận lợi bao gồm tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, NIM hồi phục dần, chất lượng tài sản vững chắc và thu nhập phí thuần quay trở lại đà tăng trưởng.

* Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 là 4,8%, cao hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 3,2% và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Như đã lưu ý trong Báo cáo Cập nhật mới nhất, chúng tôi kỳ vọng VCB sẽ tăng trưởng tín dụng vượt trội so với ngành về trong năm nay do ngân hàng là một trong bốn ngân hàng tiếp nhận "ngân hàng 0 đồng" nên được nhận hạn mức tín dụng cao hơn. Ngoài ra, một khía cạnh quan trọng cần lưu ý là VCB thường đóng vai trò dẫn dắt trong việc thu xếp vốn cho các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn có tầm quan trọng quốc gia, lĩnh vực mà chúng tôi tin rằng ngân hàng sẽ giải ngân tín dụng đáng kể trong năm nay.

* Tăng trưởng tiền gửi khách hàng quý 1/2026 là 0,6%, tiếp tục thấp hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ CASA quý 1/2026 là 34,2% (-1,2 điểm % YoY, -1,2 điểm % QoQ), vẫn nằm trong nhóm cao nhất ngành.

* Thu nhập lãi thuần (NII) của VCB trong quý 1/2026 tăng 29,0% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và NIM tăng vững chắc. So với quý trước, NIM cải thiện lên 2,86% (+15 điểm cơ bản QoQ, +23 điểm cơ bản YoY), do lợi suất tài sản sinh lãi tăng (+40 điểm cơ bản QoQ, +47 điểm cơ bản YoY), một phần bị ảnh hưởng bởi mức tăng trong chi phí vốn (+27 điểm cơ bản QoQ, +25 điểm cơ bản YoY). VCB là một trong số ít ngân hàng mở rộng được NIM trong quý 1/2026, đây là một thành tựu đáng khích lệ. Sự cải thiện này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi với các động lực chính là (1) tỷ trọng các khoản vay trung và dài hạn cao hơn và (2) sự cạnh tranh lãi suất cho vay giữa các ngân hàng hạ nhiệt do cung tín dụng thấp hơn, cho phép VCB nâng lãi suất cho vay phù hợp.

* Chất lượng tài sản vẫn đứng đầu ngành với tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,62% (+4 điểm cơ bản QoQ, -41 điểm cơ bản YoY) trong quý 1/2026 so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 0,65%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 là 0,23% (+7 điểm cơ bản QoQ, -6 điểm cơ bản YoY) trong quý 1/2026. VCB không xóa nợ xấu nào trong quý 1/2026.

* Chi phí tín dụng quy năm quý 1/2026 là 0,58% so với 0,21% trong quý 1/2025. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 1/2026 của VCB vẫn ở mức cao, đạt 253% so với 259% trong quý trước và tiếp tục là mức cao nhất trong ngành.

* Thu nhập ngoài lãi (NOII) quý 1/2026 đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (-1,4% YoY), hoàn thành 25% dự báo cả năm của chúng tôi. Lãi từ kinh doanh ngoại hối giảm 17,1% YoY xuống 1,7 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2026 từ mức nền cao trong quý 1/2025, nhưng giá trị tuyệt đối vẫn là mức cao nhất trong ngành, cho thấy vị thế dẫn đầu thị trường của VCB trong mảng ngoại hối. NFI thuần cho thấy sự phục hồi tốt với mức tăng trưởng 17,1% YoY. Thu nhập khác thuần tăng 24,6% YoY, có khả năng được thúc đẩy bởi thu nhập từ thu hồi nợ xấu được cải thiện.

* Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) quý 1/2026 giảm 0,2 điểm % YoY xuống 32,5% so với dự báo cả năm của chúng tôi là 34,6% do mức tăng 21,8% YoY của chi phí hoạt động (OPEX) thấp hơn mức tăng trưởng 22,7% của TOI. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	70	0,0	13.150	25.500	94%	0,0%	94%	KQ	17/01/25	37,2	8,8	15,1	1,1
DGC	Công nghiệp	43%	773	7,2	53.600	91.200	70%	5,6%	76%	MUA	02/03/26	7,2	6,8	15,1	1,3
KDH	Bất động sản	22%	1.082	4,2	25.400	43.700	72%	0,0%	72%	MUA	09/03/26	29,1	18,3	20,3	1,5
NLG	Bất động sản	9%	511	3,2	27.750	45.800	65%	1,4%	66%	MUA	09/03/26	16,2	20,1	20,3	1,1
HVN	Hàng không	22%	2.669	0,7	22.600	37.100	64%	0,0%	64%	KQ	22/07/25	9,6	8,1	20,5	11,9
SZC	KCN	16%	186	0,7	27.200	42.400	56%	3,7%	60%	KQ	01/07/25	15,4	13,9	20,3	1,5
FPT	CNTT	18%	4.882	25,2	75.500	116.600	54%	3,0%	57%	MUA	22/10/25	14,9	13,3	19,8	3,3
BMI	Bảo hiểm	22%	86	0,3	15.100	23.100	53%	3,3%	56%	MUA	12/04/24	10,1	6,0	13,2	0,8
PC1	Điện & Nước	33%	305	6,5	19.550	30.500	56%	0,0%	56%	MUA	02/02/26	8,3	7,4	15,1	1,2
VGC	KCN	47%	725	1,5	42.600	64.100	50%	5,2%	56%	MUA	21/10/25	13,6	12,2	15,1	2,2
PVS	Dầu khí	33%	738	6,6	38.000	58.100	53%	0,0%	53%	MUA	26/02/26	13,3	12,8	20,1	1,3
SSI	Chứng khoán	68%	2.614	26,8	27.650	40.800	48%	3,6%	51%	KQ	27/08/25	14,0	15,1	18,7	1,7
PLC	Dầu khí	48%	67	0,3	21.900	31.900	46%	4,6%	50%	MUA	12/09/25	130,4	7,0	15,1	1,4
VPB	Ngân hàng	5%	7.980	18,4	26.500	38.000	43%	1,9%	45%	MUA	19/11/25	8,8	6,9	11,9	1,2
PVT	Dầu khí	36%	392	6,2	22.000	30.800	40%	4,5%	45%	MUA	13/03/26	10,4	7,2	12,5	1,2
TV2	Điện & Nước	7%	89	0,7	34.650	49.000	41%	2,9%	44%	MUA	22/04/26	39,4	13,8	12,5	1,8
BMP	VLXD	20%	452	1,2	145.600	192.500	32%	11,0%	43%	MUA	12/11/25	9,8	8,5	15,1	3,8
ACG	Gỗ	12%	192	0,0	33.500	45.800	37%	5,1%	42%	MUA	15/07/25	10,6	8,4	15,2	1,1
HDG	Điện & Nước	30%	364	2,6	25.900	36.200	40%	0,0%	40%	MUA	23/03/26	14,0	11,5	20,3	1,4
DCM	Phân bón	39%	858	7,1	42.700	57.600	35%	4,7%	40%	MUA	10/03/26	12,5	8,1	15,1	2,0
GEX	Điện & Nước	43%	1.339	15,1	39.100	54.000	38%	1,3%	39%	MUA	30/12/25	23,0	25,7	12,5	2,0
BWE	Điện & Nước	46%	363	1,2	43.500	58.700	35%	3,0%	38%	MUA	02/02/26	11,6	10,5	11,3	1,6
MCH	Bán lẻ	85%	6.731	1,4	137.000	181.700	33%	4,4%	37%	PHTT	28/11/25	26,6	23,2	14,7	10,3
MBB	Ngân hàng	0%	7.965	16,6	26.050	35.000	34%	1,9%	36%	MUA	13/03/26	8,4	6,6	11,9	1,5
ACB	Ngân hàng	3%	4.582	10,0	23.500	32.000	36%	0,0%	36%	MUA	05/03/26	7,8	6,4	11,9	1,2
NT2	Điện & Nước	37%	264	1,0	24.200	30.300	25%	10,3%	36%	MUA	26/02/26	7,2	6,6	11,3	1,4
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.312	1,5	47.500	59.000	24%	10,5%	35%	MUA	06/01/26	14,2	13,5	14,7	2,7

HPG	VLXD	26%	8.084	41,4	27.750	36.600	32%	1,8%	34%	MUA	04/04/26	14,3	10,1	15,2	1,7
POW	Điện & Nước	47%	1.473	6,4	12.650	16.700	32%	0,0%	32%	MUA	27/03/26	15,9	16,1	11,3	1,1
MSN	Bán lẻ	75%	4.215	19,2	76.800	101.200	32%	0,0%	32%	MUA	21/05/25	27,0	26,2	12,5	3,0
TLG	Văn phòng phẩm	89%	183	0,4	50.000	61.900	24%	7,0%	31%	MUA	12/09/25	10,7	8,1	9,6	1,9
PVD	Dầu khí	38%	654	6,1	31.000	40.300	30%	0,0%	30%	MUA	09/04/26	19,2	15,4	20,1	1,0
REE	Điện & Nước	0%	1.240	3,5	60.300	76.900	28%	1,7%	29%	MUA	22/04/26	12,9	11,4	12,5	1,6
HDC	Bất động sản	48%	145	2,1	19.100	24.600	29%	0,0%	29%	KQ	09/01/26	6,0	12,2	20,3	1,3
CTG	Ngân hàng	5%	10.303	9,8	34.950	44.900	28%	0,0%	28%	MUA	10/03/26	9,0	7,8	11,9	1,5
GAS	Dầu khí	47%	6.887	4,4	75.200	93.600	24%	3,3%	28%	MUA	14/04/26	16,2	14,7	11,3	2,6
GMD	GTVT	7%	1.219	5,5	75.300	93.900	25%	3,1%	28%	MUA	26/02/26	20,4	13,3	12,5	2,4
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	629	0,2	45.200	53.400	18%	8,8%	27%	KQ	30/08/24	8,6	6,5	14,7	1,6
TCB	Ngân hàng	0%	9.105	19,6	33.850	41.500	23%	3,5%	26%	MUA	04/03/26	9,5	8,0	11,9	1,4
HDB	Ngân hàng	5%	5.054	20,2	26.600	33.000	24%	1,9%	26%	MUA	06/03/26	7,4	6,3	11,9	1,8
QTP	Điện & Nước	-1%	210	0,4	12.400	14.600	18%	8,1%	26%	MUA	10/12/25	5,5	8,5	11,3	1,0
KBC	KCN	40%	1.212	5,1	33.900	42.500	25%	0,0%	25%	MUA	13/03/26	14,9	10,7	20,3	1,3
IDC	KCN	32%	651	3,9	45.200	54.600	21%	4,4%	25%	MUA	17/03/26	9,0	8,6	20,3	2,7
VCB	Ngân hàng	10%	18.966	19,3	59.800	73.500	23%	0,8%	24%	MUA	17/03/26	15,4	12,7	11,9	2,2
DPM	Phân bón	44%	684	5,3	26.500	31.200	18%	4,5%	22%	PHTT	10/03/26	20,2	11,9	15,1	1,6
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.831	10,9	60.900	70.300	15%	6,6%	22%	MUA	24/04/25	13,5	14,5	14,7	4,2
DXG	Bất động sản	30%	648	9,7	15.350	18.700	22%	0,0%	22%	MUA	06/04/26	73,8	77,1	20,3	1,2
BID	Ngân hàng	12%	11.081	12,0	40.100	48.800	22%	0,0%	22%	MUA	01/04/26	10,5	9,5	11,9	1,6
MWG	Bán lẻ	0%	4.682	22,5	84.000	101.000	20%	1,2%	21%	MUA	14/10/25	17,5	14,8	12,1	3,5
FRT	Bán lẻ	17%	963	2,6	149.000	178.800	20%	0,7%	21%	MUA	13/11/25	32,0	22,6	12,1	5,7
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	521	2,0	61.200	71.600	17%	3,3%	20%	MUA	26/01/26	10,1	7,8	14,7	1,4
AST	DV Hàng không	3%	121	0,0	70.800	80.600	14%	4,9%	19%	MUA	26/08/25	12,7	12,3	12,1	4,6
PHR	Công nghiệp	35%	316	0,5	61.400	71.300	16%	2,2%	18%	MUA	25/03/26	18,0	8,9	15,1	1,9
SIP	KCN	47%	558	1,2	60.700	69.800	15%	3,3%	18%	MUA	22/12/25	11,8	11,4	20,3	2,9
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4.485	13,5	23.600	27.000	14%	3,0%	17%	PHTT	18/03/26	22,8	7,2	20,1	2,0
PPC	Điện & Nước	44%	120	0,2	9.900	11.000	11%	5,1%	16%	KQ	10/12/25	19,5	9,8	11,3	0,7
TDM	Điện & Nước	49%	243	1,2	57.600	65.300	13%	2,6%	16%	KQ	02/02/26	33,1	31,1	11,3	2,4

DHC	Công nghiệp	15%	131	0,4	35.800	40.100	12%	3,6%	16%	MUA	16/12/25	8,8	8,5	15,2	1,6
PNJ	Bán lẻ	0%	1.307	5,4	67.300	75.600	12%	3,0%	15%	MUA	07/11/25	13,1	14,7	9,6	2,6
CTR	CNTT	44%	373	1,1	85.900	96.800	13%	1,7%	14%	KQ	14/04/26	16,4	14,0	15,1	4,8
ACV	Hàng không	47%	5.986	1,1	44.000	50.100	14%	0,0%	14%	PHTT	06/04/26	14,4	13,8	12,5	2,3
PLX	Xăng dầu	6%	1.792	5,3	37.150	41.100	11%	3,2%	14%	MUA	13/10/25	19,3	16,1	20,1	1,8
VIB	Ngân hàng	0%	2.106	5,6	16.300	18.500	13%	0,0%	13%	KQ	23/05/25	7,6	6,2	11,9	1,1
DXS	Bất động sản	43%	162	0,9	7.360	8.300	13%	0,0%	13%	KQ	06/04/26	13,5	12,6	20,3	0,7
DPG	Điện & Nước	30%	201	1,1	44.750	48.700	9%	2,2%	11%	MUA	06/01/26	11,3	6,8	15,1	2,4
SCS	DV Hàng không	19%	189	0,3	52.500	51.200	-2%	10,5%	8%	PHTT	13/01/26	6,6	7,1	20,5	3,0
PTB	Công nghiệp	9%	153	0,3	50.100	52.000	4%	4,2%	8%	KQ	06/10/25	6,7	8,7	15,2	1,3
VEA	Ô-tô	48%	1.677	0,4	33.400	30.800	-8%	14,4%	7%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	12,5	1,7
DGW	Bán lẻ	25%	365	2,7	43.450	45.400	4%	1,2%	6%	PHTT	18/11/25	17,5	15,5	12,1	2,7
VTP	GTVT	45%	446	1,6	68.000	69.000	1%	2,2%	4%	PHTT	06/09/24	23,8	20,0	12,5	6,7
F88	Tài chính TT	42%	691	0,5	164.000	168.000	2%	0,0%	2%	KQ	21/01/26	25,1	18,3	#N/A	7,4
NVL	Bất động sản	43%	1.739	19,7	20.500	20.000	-2%	0,0%	-2%	MUA	01/10/25	23,8	114,5	20,3	1,0
TPB	Ngân hàng	5%	1.711	5,0	16.250	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	5,9	11,9	1,1
VRE	Bất động sản	37%	2.786	8,1	32.300	30.700	-5%	0,0%	-5%	KQ	30/03/26	11,4	13,5	20,3	1,5
GVR	Công nghiệp	12%	5.117	4,0	33.700	30.500	-9%	1,2%	-8%	KQ	31/12/25	24,0	22,1	15,1	2,3
NKG	VLXD	45%	244	2,7	14.350	13.100	-9%	0,0%	-9%	PHTT	18/04/25	32,6	11,1	15,2	0,8
OIL	Dầu khí	6%	547	1,6	14.100	12.700	-10%	0,7%	-9%	KQ	17/10/25	34,4	31,1	20,1	1,4
HSG	VLXD	45%	376	2,5	15.950	13.500	-15%	3,1%	-12%	PHTT	18/04/25	15,8	16,9	15,2	0,9
LPB	Ngân hàng	4%	5.363	3,4	47.300	39.300	-17%	2,1%	-15%	KKQ	18/11/25	12,5	13,1	11,9	2,9
VHM	Bất động sản	42%	22.762	40,5	146.000	122.600	-16%	0,0%	-16%	KQ	30/03/26	14,3	13,8	20,3	2,3
STB	Ngân hàng	18%	4.830	20,2	67.500	55.400	-18%	0,0%	-18%	KQ	08/12/25	21,4	10,9	11,9	2,1
BVH	Bảo hiểm	22%	1.986	2,0	70.500	56.900	-19%	1,3%	-18%	KQ	26/05/25	17,6	16,7	13,2	2,1
VJC	Hàng không	24%	4.042	14,7	180.000	114.000	-37%	0,0%	-37%	KQ	15/03/24	50,2	20,1	20,5	4,3
VIC	Bất động sản	45%	62.594	42,6	214.000	101.600	-53%	0,0%	-53%	BÁN	30/03/26	140,8	145,4	20,3	11,1

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	136.379	2.623	18	14,7	11,7	9,9	15,0	1,7	22,4	17,5	14,6	1,9	2,9%
KHẢ QUAN	20	52.232	2.612	7	17,6	15,2	13,2	14,2	2,2	24,7	19,3	14,7	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	21.184	2.118	0	18,7	16,6	11,8	19,4	2,6	28,6	18,6	13,3	3,2	4,3%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.363	5.363	0	15,3	12,5	13,1	10,4	2,9	15,3	12,5	13,1	2,9	2,1%
BÁN	1	62.594	62.594	1	133,8	140,8	145,4	66,9	11,1	133,8	140,8	145,4	11,1	0,0%
TỔNG CỘNG	84	277.751	3.307	26	19,6	16,1	13,7	16,4	2,4	24,9	19,5	16,0	2,4	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.045	7.420	11	11,8	10,2	8,5	12,4	1,6	11,3	10,4	8,4	1,6	1,0%
Bảo hiểm	2	2.073	1.036	1	23,2	17,1	15,6	14,3	2,0	17,5	13,9	11,4	1,5	2,3%
Chứng khoán	1	2.614	2.614	1	22,1	14,0	15,1	20,6	1,7	22,1	14,0	15,1	1,7	3,6%
Tài chính thay thế	1	691	691	0	51,4	25,1	18,3	25,7	7,4	51,4	25,1	18,3	7,4	0,0%
Tiêu dùng	13	28.790	2.215	4	18,5	16,1	15,1	19,6	3,5	24,1	16,4	14,4	3,5	4,8%
CNTT	1	4.882	4.882	1	17,7	14,9	13,3	23,0	3,3	17,7	14,9	13,3	3,3	3,0%
Bất động sản	9	92.427	10.270	2	59,2	37,5	38,3	23,1	4,3	40,4	36,5	47,5	2,4	0,2%
Vật liệu	4	9.157	2.289	1	17,6	14,2	10,2	18,3	1,6	15,3	18,1	11,6	1,8	4,0%
Điện & Nước	12	6.212	518	1	21,3	13,8	12,9	18,2	1,4	28,7	16,8	13,3	1,5	3,1%
Dầu khí	10	17.105	1.710	2	24,6	17,8	11,1	21,6	1,9	35,9	29,9	13,2	1,6	2,9%
Công nghiệp	5	1.318	264	0	8,8	8,0	7,4	12,2	1,3	14,3	14,1	8,2	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.764	1.252	1	24,9	17,6	15,2	18,7	2,1	25,7	15,2	12,5	2,1	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.673	2.096	1	14,6	16,5	13,2	18,0	3,3	20,0	19,7	13,5	5,0	3,0%
TỔNG CỘNG	84	277.751	3.307	26	19,6	16,1	13,7	16,4	2,4	24,9	19,5	16,0	2,4	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		7%	MUA	
HDC	277%	-51%	KQ	KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện
NVL		-79%	MUA	
KDH		59%	MUA	
NLG	-51%	-20%	MUA	Doanh số bán BĐS 4T2026 tăng 36% YoY, LNST sau lợi ích CĐTTS Q1 2026 giảm 37% YoY do thời điểm bàn giao
VHM	850%	3%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS và doanh số bán BĐS ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ trong quý 1/2026, được thúc đẩy bởi giao dịch bán lẻ lớn tại Green Paradise, Ocean Park 2&3
VIC	2%	-3%	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS tăng trưởng mạnh, mảng khách sạn nghỉ dưỡng cải thiện, khoản tài trợ từ Chủ tịch hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026
VRE	36%	-15%	KQ	Lợi nhuận cho thuê bán lẻ duy trì ổn định; chuyển nhượng BĐS đầu tư không cốt lõi và doanh thu tài chính thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1/2026
Khu công nghiệp				
GVR		9%	KQ	
IDC		4%	MUA	
KBC		39%	MUA	
PHR		103%	MUA	
SIP		4%	MUA	
SZC	-86%	11%	KQ	Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	
BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		9%	MUA	
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ

PC1		12%	MUA	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận
POW		-1%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	
TDM (2)	-61%	8%	KQ	
TV2	91%	184%	MUA	
DPG		65%	MUA	
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS			MUA	
OIL (2)			KQ	
PLX (2)			MUA	
PLC			MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		10%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.854,1	-21,7
VN 30	2.022,8	-18,7
VN Mid	2.194,3	12,2
VNSmall	1.407,3	5,1

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	250,7	1,2
HNX30	526,0	4,0
VNX Allshare	3.010,2	-25,1

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	127,5	-0,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.862,8	13,6%
Khối ngoại mua	2.653,1	12,6%
Khối ngoại bán	4.000,2	19,0%
Tổng giao dịch	21.086,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	67,4	5,9%
Khối ngoại mua	86,7	7,6%
Khối ngoại bán	11,9	1,0%
Tổng giao dịch	1.146,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	60,0	14,3%
Khối ngoại mua	16,4	3,9%
Khối ngoại bán	41,4	9,9%
Tổng giao dịch	419,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BFC	4.400	7,0%
IMP	3.300	7,0%
APH	360	6,6%
CDC	1.100	6,2%
DCM	2.350	5,8%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVS	1.800	5,0%
CEO	600	3,5%
PVI	2.300	3,1%
L40	1.400	2,1%
C69	300	1,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
AMS	913	10,1%
DDV	436	1,7%
QNS	595	1,3%
HNG	66	0,9%
VLC	114	0,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PC1	-1.350	-6,5%
VVS	-7.000	-5,8%
VIC	-11.500	-5,1%
VHM	-5.000	-3,3%
CTF	-450	-2,4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DTD	-1.000	-5,8%
AAV	-400	-5,1%
IDJ	-100	-2,6%
NVB	-200	-1,9%
TIG	-100	-1,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	-2.339	-5,5%
VBB	-432	-3,0%
MSR	-979	-2,5%
VGI	-2.046	-2,2%
PHP	-688	-1,9%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VIC	1.266
VHM	1.263
PC1	824
SHB	808
FPT	807

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
CEO	358
PVS	181
SHS	92
IDC	75
HUT	60

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	72
HNG	59
VGI	50
ACV	44
DNA	39

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PC1	42.100.555	6.359.650
KDC	2.647.625	517.571
HII	1.146.718	236.976
TTF	2.332.545	511.132
BFC	795.407	189.284
APH	644.942	176.879
ITC	352.071	101.677
AAA	2.649.114	829.695
TNT	876.141	300.687
NTL	1.336.965	459.402

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AMV	1.653.011	355.561
DTD	1.056.832	239.237
L40	181.141	72.127
BNA	226.845	100.869
PVI	110.985	51.455
NAG	336.860	161.662
IVS	166.300	83.455
LIG	282.680	156.714
CEO	20.115.628	11.486.387
PGN	127.882	73.330

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AMS	678.000	101.794
QNS	284.597	119.054
KVC	333.600	151.716
ABW	196.071	105.300
VLC	156.131	86.027
AVG	197.142	119.237
HVA	136.310	84.589
ACV	988.554	626.595
BIG	709.450	465.090
STH	115.501	80.284

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.749,1		13,6	2,1	18,2
TCX	4.439,6	90,2	19,0	2,6	16,2
VCK	3.188,5	95,6	19,3	2,8	17,8
SSI	2.614,4	68,0	12,8	1,7	14,0
VPX	1.950,0	95,1	12,1	1,5	13,9
VIX	1.553,2	92,0	5,0	1,9	28,9

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	630,7		12,9	1,6	13,6
BVH	1.986,4	21,8	18,5	2,1	12,1
PVI	684,6	43,3	16,4	2,2	13,8
BIC	183,7	7,9	8,9	1,5	17,5
VNR	157,6	22,7	9,5	1,0	10,8
MIG	141,3	84,0	11,4	1,4	13,7

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.787,8		19,6	3,7	22,6
ACV	5.986,2	47,0	14,6	2,3	16,7
MVN	2.506,7	0,0	33,9	4,7	14,6
GEE	2.429,7	49,2	19,6	8,0	45,2
VEA	1.677,2	47,6	6,2	1,7	27,1
GEX	1.339,2	43,0	23,9	2,0	9,3

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.879,3		17,5	4,6	26,4
MCH	6.731,2	84,5	25,7	10,3	46,4
VNM	4.831,0	51,1	13,5	4,2	29,9
MSN	4.214,9	75,4	23,5	3,0	12,5
SAB	2.312,4	41,5	12,7	2,7	19,9
PNJ	1.307,2	0,3	12,1	2,6	23,1

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.643,2		20,1	1,5	8,5
BSR	4.485,4	47,5	22,7	2,0	9,0
PLX	1.791,6	5,7	17,6	1,8	10,2
PVS	737,6	33,3	10,5	1,3	12,7
PVD	654,1	38,3	16,6	1,0	6,4
OIL	547,3	6,3	33,2	1,4	4,2

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.252,5		13,7	2,0	15,8
GAS	6.887,3	46,9	15,6	2,6	18,0
POW	1.473,0	47,1	14,9	1,1	7,3
REE	1.239,7	0,0	12,4	1,6	12,7
PGV	1.021,3	50,0	7,2	1,5	23,4
DNH	641,3	0,0	18,5	3,3	17,7

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.674,6		36,6	4,4	26,9
VIC	62.593,6	44,7	142,1	11,1	8,0
VHM	22.761,8	42,0	9,3	2,3	19,0
KSF	3.142,0	50,0	5,1	4,8	76,7
VRE	2.785,8	36,9	10,7	1,5	14,3
BCM	2.090,0	33,1	15,7	2,4	16,5

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.486,9		9,5	1,6	17,8
VCB	18.965,7	9,9	14,2	2,2	16,7
BID	11.080,6	12,4	9,1	1,6	19,4
CTG	10.303,5	4,8	7,1	1,5	21,2
TCB	9.104,6	0,0	9,2	1,4	16,0
VPB	7.980,3	5,4	8,0	1,2	15,5

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.637,9		33,5	5,9	-58,0
VPL	5.833,4	47,3	61,0	4,0	3,2
MWG	4.681,8	0,1	15,1	3,5	23,3
VJC	4.042,0	23,6	48,3	4,3	10,1
HVN	2.669,1	21,7	7,8	11,9	-352,7
FRT	963,1	16,9	35,5	5,7	26,1

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.879,3		17,5	4,6	26,4
HPG	6.731,2	26,3	25,7	10,3	46,4
GVR	4.831,0	12,4	13,5	4,2	29,9
MSR	4.214,9	99,9	23,5	3,0	12,5
KSV	2.312,4	0,0	12,7	2,7	19,9
DCM	1.307,2	39,4	12,1	2,6	23,1

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.643,2		20,1	1,5	8,5
DHG	4.485,4	46,0	22,7	2,0	9,0
IMP	1.791,6	27,1	17,6	1,8	10,2
DHT	737,6	9,2	10,5	1,3	12,7
DVN	654,1	0,0	16,6	1,0	6,4
DBD	547,3	84,6	33,2	1,4	4,2

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.252,5		13,7	2,0	15,8
FPT	6.887,3	17,6	15,6	2,6	18,0
CMG	1.473,0	12,8	14,9	1,1	7,3
SAM	1.239,7	48,5	12,4	1,6	12,7
SGT	1.021,3	-5,5	7,2	1,5	23,4
ELC	641,3	46,9	18,5	3,3	17,7

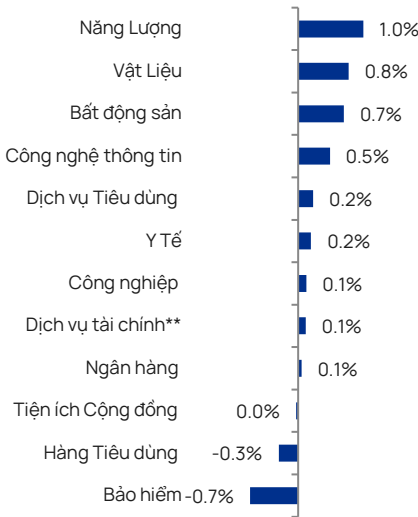
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

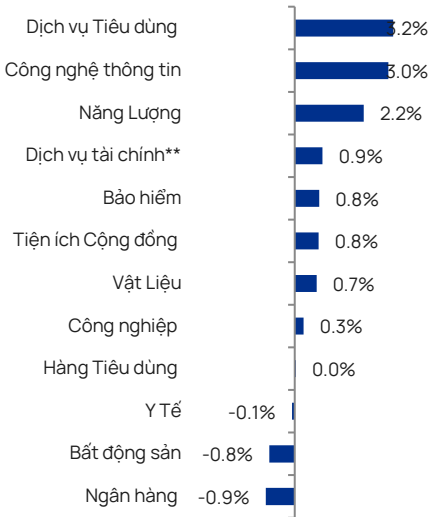
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



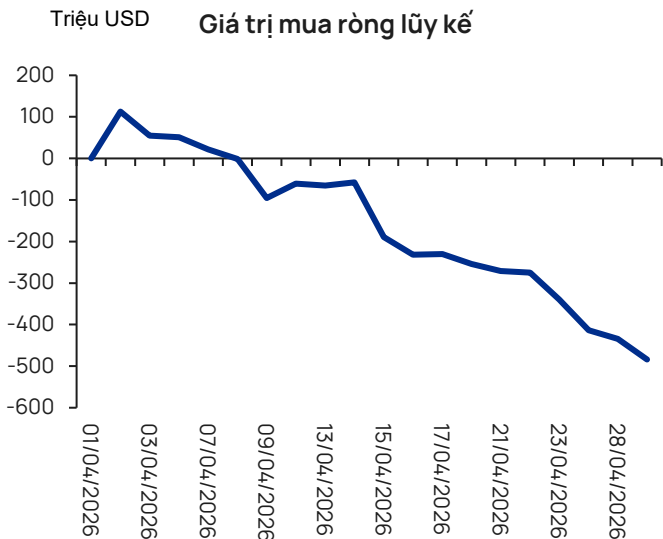
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



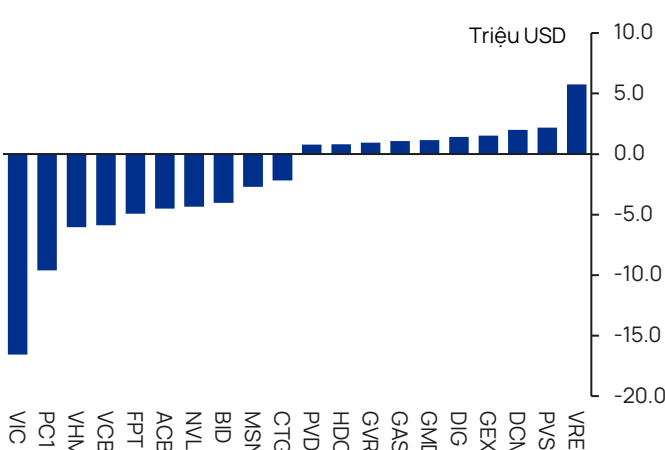
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

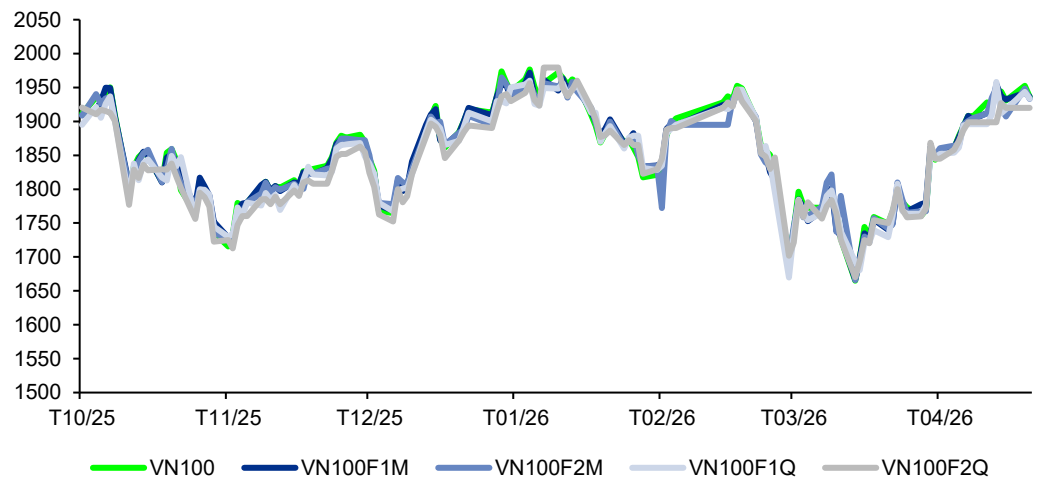
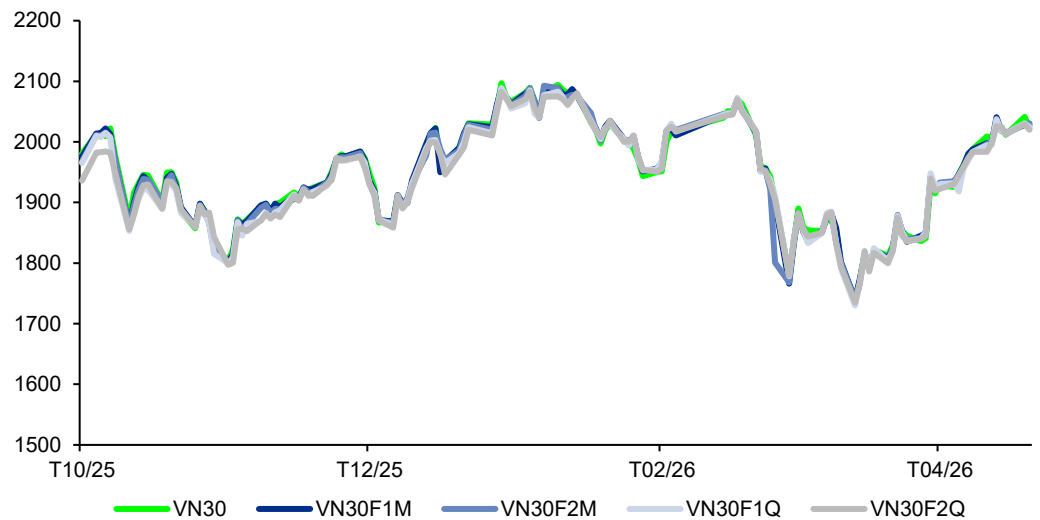


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.028,0	0,0	0,0%	5,3
VN30F2M	2.030,9	1,4	0,1%	8,2
VN30F1Q	2.024,8	-5,9	-0,3%	2,0
VN30F2Q	2.020,0	-9,0	-0,4%	-2,8
VN100F1M	1.936,2	-5,9	-0,3%	-0,1
VN100F2M	1.933,0	-15,0	-0,8%	-3,3
VN100F1Q	1.933,5	-10,0	-0,5%	-2,8
VN100F2Q	1.920,0	0,0	0,0%	-16,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	35.421	0,7%	180,71	-28,4%
VN30F2M	2.003	26,2%	0,99	328,6%
VN30F1Q	310	-1,6%	0,02	100,0%
VN30F2Q	36	12,5%	0,02	110,0%
VN100F1M	29	3,6%	0,05	-60,9%
VN100F2M	20	-4,8%	0,01	33,3%
VN100F1Q	18	5,9%	0,07	957,1%
VN100F2Q	3	0,0%	0,00	0,0%

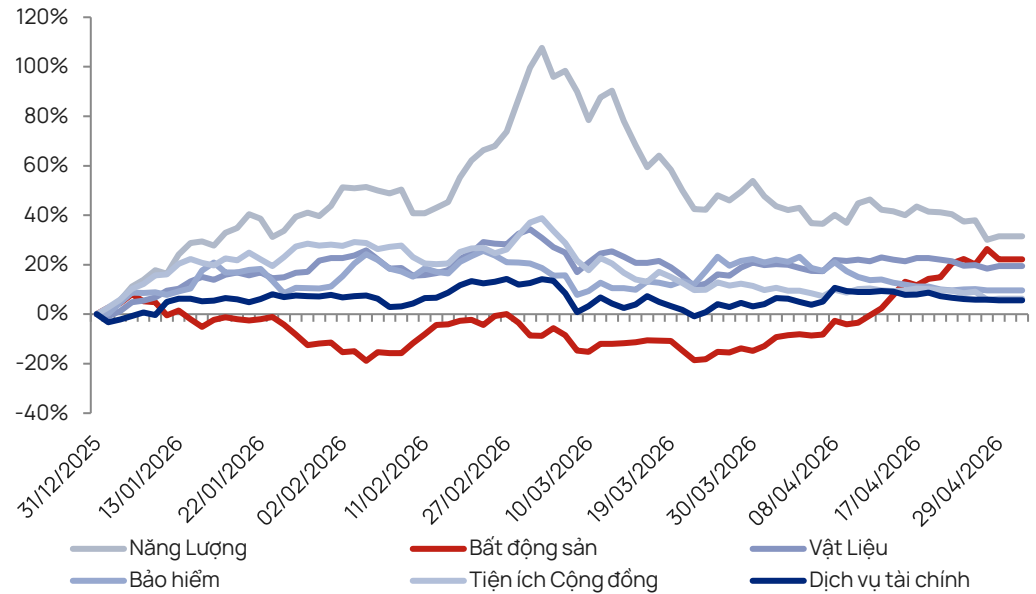


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

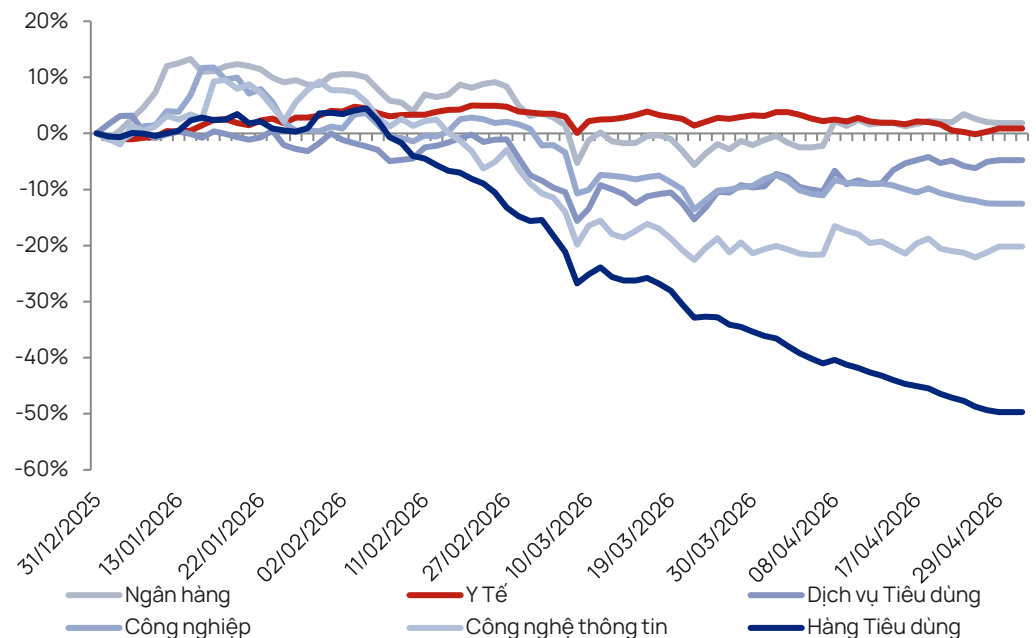
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



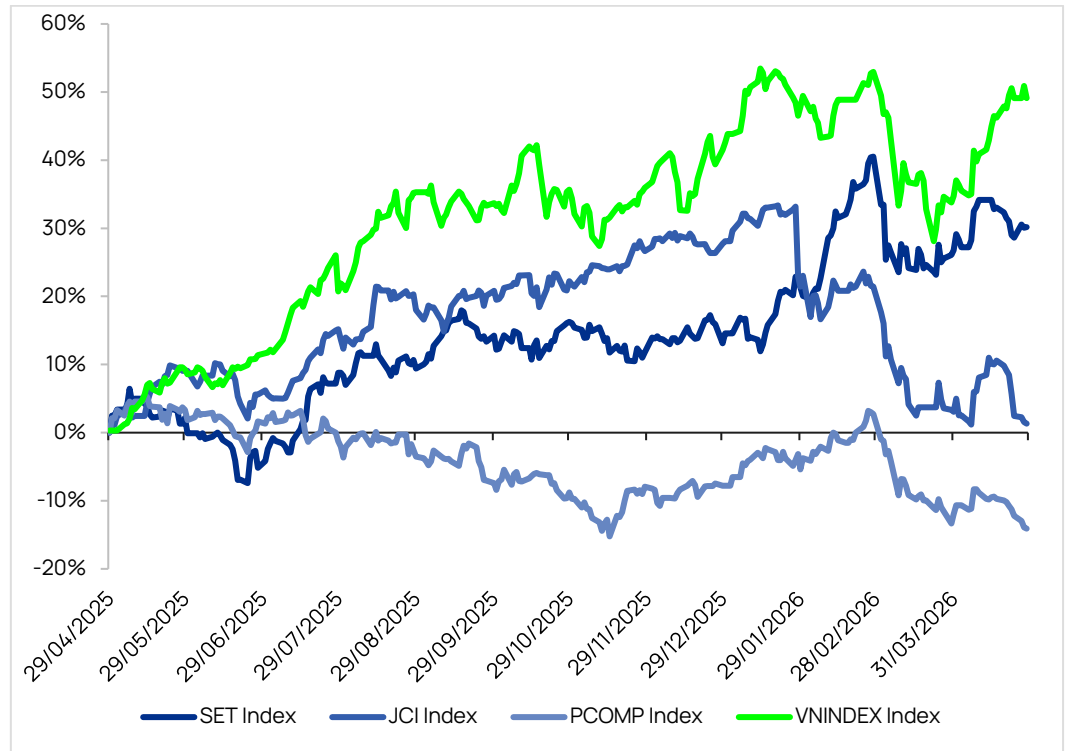
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



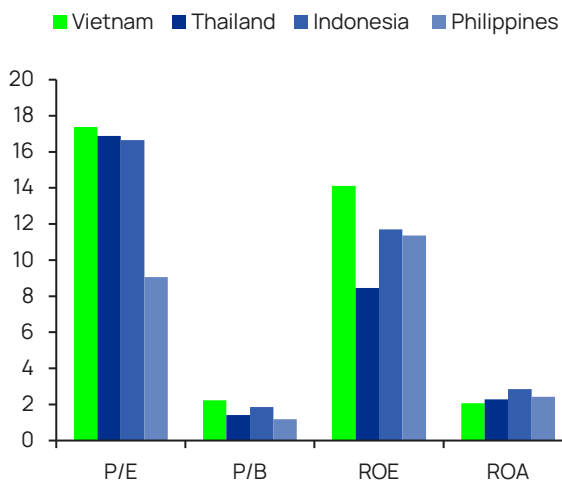
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	16,6	9,1	17,4
P/B	1,4	1,8	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,7	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,9	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	575,9	729,5	141,4	330,7
GTGD trung bình, tr USD	1.388,6	1.130,7	82,5	1.030,2
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	490,6	-2.783,2	-64,0	-1.601,2
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(189,9)	(427,4)	(41,2)	(156,0)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,61%	6,79%	6,52%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.